

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai
thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường
tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 568/TTr-STNMT ngày 07/10/2015 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 255/STP-KSTTHC ngày 05/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

1. Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính cấp tỉnh về lĩnh vực đất đai, lĩnh vực giá đất, lĩnh vực đo đạc và bản đồ, lĩnh vực thanh tra thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.



2. Mục X, phần I (từ 1 đến 38); Mục X, phần II (các thủ tục từ 1 đến 38) của thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường được ban hành kèm theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Mục X, phần I; Mục X, phần II của thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai được ban hành kèm theo Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (KSTTHC);
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC-NgV, PC, KTN. DN43 *AL*

CHỦ TỊCH *u*



Nguyễn Văn Trùm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2277 /QĐ-UBND ngày 20 /10 /2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	T-BPC-280619-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép	8
2	T-BPC-280620-TT	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	13
3	T-BPC-280621-TT	Giao đất, cho thuê đất (không qua đấu giá quyền sử dụng đất) cho tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (sau khi có văn bản chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh)	15
4	T-BPC-280622-TT	Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất	19
5	T-BPC-280623-TT	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	22
6	T-BPC-280624-TT	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	24
7	T-BPC-280625-TT	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	27
8	T-BPC-280626-TT	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	33

9	T-BPC-280627-TT	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không đồng thời là người sử dụng đất	39
10	T-BPC-280628-TT	Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	45
11	T-BPC-280629-TT	Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng	51
12	T-BPC-280630-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất	55
13	T-BPC-280631-TT	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	59
14	T-BPC-280632-TT	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án	64
15	T-BPC-280633-TT	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	69
16	T-BPC-280634-TT	Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	73
17	T-BPC-280635-TT	Gia hạn sử dụng đất	77
18	T-BPC-280636-TT	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	81
19	T-BPC-280637-TT	Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	85
20	T-BPC-280638-TT	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	87
21	T-BPC-280639-TT	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	89
22	T-BPC-280640-TT	Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	91
23	T-BPC-280641-TT	Cung cấp dữ liệu đất đai	93
24	T-BPC-280642-TT	Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	97

25	T-BPC-280643-TT	Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	102
26	T-BPC-280644-TT	Xác định tiền sử dụng đất của người sử dụng đất đối với trường hợp áp dụng các phương pháp so sánh, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để tính thu tiền sử dụng đất	107
27	T-BPC-280645-TT	Xác định tiền thuê đất của người sử dụng đất đối với trường hợp áp dụng các phương pháp so sánh, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để tính thu tiền sử dụng đất	110
28	T-BPC-280646-TT	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	113
29	T-BPC-280647-TT	Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	117
30	T-BPC-280648-TT	Kiểm tra, nghiệm thu bản đồ địa chính	121
31	T-BPC-280649-TT	Kiểm tra, nghiệm thu hồ sơ địa chính	123
32	T-BPC-280650-TT	Kiểm tra bản vẽ trích đo địa chính	125
33	T-BPC-280651-TT	Giải quyết khiếu nại lần đầu (lần 1)	127
34	T-BPC-280652-TT	Giải quyết khiếu nại lần hai	132
35	T-BPC-280653-TT	Giải quyết tố cáo hành chính	137
36	T-BPC-280654-TT	Giải quyết tranh chấp đất đai	141
37	T-BPC-280655-TT	Trích đo địa chính thửa đất	146
38	T-BPC-280656-TT	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép	148
39	T-BPC-280657-TT	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	152
40	T-BPC-280658-TT	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	159
41	T-BPC-280659-TT	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	168
42	T-BPC-280660-TT	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	185

43	T-BPC-280679-TT	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	199
44	T-BPC-280680-TT	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	211
45	T-BPC-280681-TT	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	224
46	T-BPC-280682-TT	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	230
47	T-BPC-280683-TT	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	235
48	T-BPC-280684-TT	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	239
49	T-BPC-280685-TT	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	244
50	T-BPC-280686-TT	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	248
51	T-BPC-280687-TT	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	253
52	T-BPC-280688-TT	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	258
53	T-BPC-280689-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	263
54	T-BPC-280690-TT	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	268
55	T-BPC-280691-TT	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.	272

56	T-BPC-280692-TT	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	278
57	T-BPC-280693-TT	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	281
58	T-BPC-280694-TT	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	284
59	T-BPC-280695-TT	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	290
60	T-BPC-280696-TT	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	296
61	T-BPC-280697-TT	Cung cấp thông tin đất đai	301
62	T-BPC-280698-TT	Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	304
63	T-BPC-280699-TT	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp, bảo lãnh đã đăng ký	306
64	T-BPC-2806701-TT	Sửa chữa sai sót trong nội dung đăng ký thế chấp	308
65	T-BPC-2806702-TT	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	310
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
1	T-BPC-2806703-TT	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	312

2	T-BPC-2806704-TT	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	315
3	T-BPC-2806705-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	318
4	T-BPC-2806706-TT	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	321
5	T-BPC-2806707-TT	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	330
6	T-BPC-2806708-TT	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	335
7	T-BPC-2806709-TT	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.	354
8	T-BPC-2806710-TT	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	356
III THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
1	T-BPC-2806711-TT	Hòa giải tranh chấp đất đai	358
2	T-BPC-2806712-TT	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất	360

3	T-BPC-2806713-TT	Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng	368
4	T-BPC-2806714-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất	373
5	T-BPC-2806715-TT	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	377
6	T-BPC-2806716-TT	Chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	381
7	T-BPC-2806717-TT	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất	387
8	T-BPC-2806718-TT	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	392

Phần II

NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH.

1. Chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép. Mã số hồ sơ: T-BPC-280619-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện 01 ngày (trong ngày làm việc);

Bước 2: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ, lập thủ tục, tham mưu Giám đốc Sở trình UBND tỉnh quyết định. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

Bước 3: UBND tỉnh xem xét, quyết định cho chuyển mục đích sử dụng đất. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

Bước 4: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm nhận hồ sơ từ Văn phòng UBND tỉnh và chuyển Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả phát tờ khai thuế, hướng dẫn chủ sử dụng kê khai, sau đó chuyển Phiếu chuyển thông tin về số liệu địa chính cho Cục thuế (vị trí, khu vực, chứng từ bồi thường,...). Thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc;

Bước 5: Cục thuế ra Thông báo nộp tiền và gửi lại cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

Bước 6: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo cho chủ sử dụng đất nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc;

Bước 7: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập thủ tục, trình Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai ký chính lý Giấy chứng nhận khi chủ sử dụng đất thực hiện xong nghĩa vụ tài chính và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc;

Bước 8: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả trả kết quả cho chủ sử dụng đất. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất theo mẫu số 01 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 (02 bản) bản chính;

- Giấy tờ về việc thành lập hoặc Giấy chứng nhận, Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật (02 bản) gồm: 01 bản phô tô và 01 bản chính;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (02 bản) gồm: 01 bản chính và 01 bản phô tô;

- Biên bản xác minh thực địa (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phô tô;

- Bản sao Bản thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư; bản sao Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của tổ chức sử dụng đất đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình; văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã lập khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư (02 bản) bản chính;

- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư và trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình (02 bản) bản chính;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (03 bản) bản chính.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: không quá 15 ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí: Phí thẩm định: 500.000 đồng (đối với đất sử dụng để sản xuất kinh doanh);

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 01 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*** Quy định tại Khoản 3, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013:**

- Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư;

b) Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác.

*** Quy định tại Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014:**

- Dự án có sử dụng đất phải áp dụng điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai gồm:

a) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở;

b) Dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;

c) Dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước.

- Điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư được quy định như sau:

a) Có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên;

b) Có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác.

- Việc xác định người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác xác định theo các căn cứ sau đây:

a) Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đất đai đối với các dự án tại địa phương được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Nội dung công bố về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai và kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai đối với các dự án thuộc địa phương khác.

- Thời điểm thẩm định các điều kiện quy định tại Điều này được thực hiện đồng thời với việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất của chủ đầu tư khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì thời điểm thẩm định được thực hiện trước khi tổ chức phiên đấu giá quyền sử dụng đất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

ĐƠN ¹....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ²

- Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ³
- Địa chỉ/trụ sở chính:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- 4. Địa điểm khu đất:.....
- 5. Diện tích (m²):.....
- 6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
- 7. Thời hạn sử dụng:.....
- 8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
- Các cam kết khác (nếu có).....

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

² Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

³ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/dăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).

⁴ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư.

2. Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Mã số hồ sơ: T-BPC-280620-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường (trong ngày nhận hồ sơ);

Bước 2: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và tham mưu Lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định thu hồi đất (07 ngày);

Bước 3: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, ký Quyết định thu hồi đất;

Bước 4: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm nhận hồ sơ từ Văn phòng UBND tỉnh và chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện (01 ngày);

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả trả cho chủ sử dụng. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Thông báo thu hồi đất (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phô tô;
- Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được thẩm định và bản tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất bị thu hồi (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phô tô;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (nếu có) 02 bản phô tô;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (đã có khi lập hồ sơ trình ban hành Thông báo thu hồi đất) 03 bản chính.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi đất.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

3. Giao đất, cho thuê đất (không qua đấu giá quyền sử dụng đất) cho tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (sau khi có văn bản chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh). Mã số hồ sơ: T-BPC-280621-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường ngay trong ngày nhận hồ sơ;

Bước 2: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ và chuyển Sở Xây dựng cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng. Thời gian không quá 02 ngày làm việc;

Bước 3: Sở Xây dựng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường về các thông tin liên quan đến quy hoạch theo yêu cầu trong phạm vi đồ án quy hoạch xây dựng do tỉnh quản lý. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 4: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục, tham mưu Giám đốc Sở trình UBND tỉnh xem xét quyết định. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 5: UBND tỉnh xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 6: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường nhận hồ sơ từ Văn phòng UBND tỉnh, lập hợp đồng thuê đất (sau khi đã xác định xong giá thuê đất) trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký (đối với hồ sơ thuê đất) và chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc;

Bước 7: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo cho chủ sử dụng ký hợp đồng thuê đất (đối với hồ sơ thuê đất) và trả kết quả cho chủ sử dụng, thu lệ phí, vào sổ sách theo dõi theo quy định. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, gồm:

c.1 - Người xin giao đất, thuê đất nộp 01 bộ hồ sơ đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư, gồm:

- Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 (02 bản chính);

- Giấy tờ về việc thành lập hoặc Giấy chứng nhận, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật (02 bản), gồm: 01 bản phô tô và 01 bản chính (để đối chiếu);



- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo Bản thuyết minh dự án đầu tư (02 bản), gồm: 01 bản phô tô và 01 bản chính (để đối chiếu);

+ Trường hợp xin giao đất để sử dụng vào mục đích Quốc phòng, an ninh thì không phải nộp kèm bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư nhưng phải nộp bản sao Quyết định đầu tư xây dựng công trình Quốc phòng, an ninh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gồm các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc Quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

+ Trường hợp dự án sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản thì phải có Giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013 (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) đã lập khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án (02 bản), gồm: 01 bản phô tô và 01 bản chính;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (03 bản chính).

c.2 - Người xin giao đất, thuê đất nộp 01 bộ hồ sơ đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình gồm:

- Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 (02 bản chính);

- Bản sao Bản thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư (02 bản), gồm: 01 bản phô tô và 01 bản chính;

- Bản sao Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình (02 bản) gồm: 01 bản phô tô và 01 bản chính;

- Trường hợp xin giao đất cho cơ sở tôn giáo thì phải có Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo.

* Đối với các dự án chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng mới bằng cây cao su phải cam kết ủng hộ 10% cho địa phương và có xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trồng mới hoàn toàn bằng cây cao su trên diện tích được giao theo quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao đất, cho thuê đất.

h) Phí, lệ phí: Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 500.000 đồng (đối với đất sử dụng để sản xuất kinh doanh).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn xin giao đất, thuê đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

ĐƠN ¹....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ²

- Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
.....
- Địa chỉ/trụ sở chính:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- 4. Địa điểm khu đất:.....
- 5. Diện tích (m2):.....
- 6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
- 7. Thời hạn sử dụng:.....
- 8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

² Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

³ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/dăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).

⁴ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư.

4. Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280622-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ ngay trong ngày nhận hồ sơ;

Bước 2: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục tham mưu Giám đốc Sở trình UBND tỉnh ra Quyết định giao đất, cho thuê đất. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 3: UBND tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 4: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm nhận hồ sơ từ Văn phòng UBND tỉnh trình Giám đốc Sở ký hợp đồng thuê đất (đối với trúng đấu giá đất thuê). Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc và chuyển Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả;

Bước 5. Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả trả kết quả cho chủ sử dụng, thu lệ phí, vào sổ sách theo dõi. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 (02 bản chính);

- Văn bản công nhận kết quả trúng đấu giá, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất 02 bản (01 bản chính và 01 bản phôtô);

- Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh 02 bản, gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Bản đồ địa chính khu đất 03 tờ (bản chính);

- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính nếu có (bản phôtô có chứng thực) 02 bản, gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao đất, cho thuê đất.

h) Phí, lệ phí: Phí thẩm định: 500.000 đồng (đối với đất sử dụng để sản xuất kinh doanh).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn xin giao đất, cho thuê đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho chuyển mục đích sử dụng đất;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....
..., ngày..... thángnăm 20....

ĐƠN ¹....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ²

- Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ³
- Địa chỉ/trụ sở chính:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- 4. Địa điểm khu đất:.....
- 5. Diện tích (m2):.....
- 6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
- 7. Thời hạn sử dụng:.....
- 8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

² Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

³ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/dăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).

⁴ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư.

5. Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-280623-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường ngay trong ngày nhận hồ sơ;

Bước 2: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và tham mưu Lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định thu hồi đất (07 ngày);

(Nếu phải xác minh thực địa thì thời gian là 12 ngày: 05 ngày xác định thực địa, 07 ngày thẩm tra hồ sơ và tham mưu)

Bước 3: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, ký Quyết định thu hồi đất;

Bước 4: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm nhận hồ sơ từ Văn phòng UBND tỉnh và chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện (01 ngày);

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả trả cho chủ sử dụng. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phô tô;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyết định giao đất (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phô tô;

- Biên bản xác minh thực địa do Sở Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có); (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phô tô;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (03 bản chính).

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (nếu phải xác minh thực địa thì thời gian thực hiện là 20 ngày).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi đất.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.
-



6. Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Mã số hồ sơ: T-BPC-280624-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường ngay trong ngày nhận hồ sơ;

Bước 2: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và tham mưu Lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định thu hồi đất (07 ngày);

(Nếu phải xác minh thực địa thì thời gian là 12 ngày: 05 ngày xác định thực địa, 07 ngày thẩm tra hồ sơ và tham mưu)

Bước 3: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, ký Quyết định thu hồi đất;

Bước 4: Phòng chuyên môn Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm nhận hồ sơ từ Văn phòng UBND tỉnh và chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện (01 ngày);

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả trả cho chủ sử dụng. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

c.1 .- Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất:

- Văn bản thông báo hoặc văn bản trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nay chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản photô;

- Quyết định giải thể, phá sản đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản photô;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có); (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Biên bản xác minh thực địa (nếu có); (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (03 bản chính).

c.2 - Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất:

- Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận về việc trả lại đất của người sử dụng đất (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có); (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có); (02 bản), gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (03 bản chính).

c.3 - Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn:

- Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Văn bản thông báo cho người sử dụng đất biết không được gia hạn sử dụng đất gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có); gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có); gồm: 01 bản chính và 01 bản phôtô;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (03 bản chính).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (nếu phải xác minh thực địa thì thời gian thực hiện là 20 ngày).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:



- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi đất.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

7. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu. Mã số hồ sơ: T-BPC-280625-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

- Kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

- Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có). Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

- Gửi số liệu địa chính đến Cục thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có). Đồng thời chuyển hồ sơ để cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc.

Bước 2: Cục thuế ra Thông báo nộp tiền. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 3: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính;

- Thời gian thực hiện không quá 07 ngày làm việc (trong đó cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện 03 ngày; UBND tỉnh 04 ngày làm việc);

Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Thông báo cho người sử dụng đất để trả kết quả cho người sử dụng đất thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mẫu số 04a/ĐK (bản chính);



- Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nếu có (bản sao có chứng thực);

- Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 theo Mẫu số 08/ĐK;

- Đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh phải có Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an về vị trí đóng quân hoặc địa điểm công trình; bản sao Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh trên địa bàn các quân khu, trên địa bàn các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà có tên đơn vị đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Quyết định phê duyệt dự án chuyển đổi đồi rừng nghèo kiệt sang trồng mới bằng cây cao su đối với dự án chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cao su theo Quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 v/v Ban hành Quy định thực hiện dự án trồng cao su, trồng rừng nguyên liệu trên đất lâm nghiệp;

- Đối với tài sản gắn liền với đất là nhà ở, công trình xây dựng, cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng phải lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nông nghiệp;

- Bản đồ địa chính khu đất 03 tờ (bản chính);

- Quyết định thành lập đơn vị hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);

- Các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật nếu có (bản sao);

- Các giấy tờ liên quan đến đất đai nếu có.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 27 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan phối hợp: Cục thuế tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 100.000 đồng đối với trường hợp không có tài sản và 500.000 đồng đối với trường hợp có tài sản;

- Phí thẩm định: 500.000 đồng (đối với đất sử dụng để sản xuất kinh doanh) nếu có.

i) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

k) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

l) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04a/ĐK

PHẢN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày/...../.....
Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:

- Đăng ký QSDĐ

Đăng ký quyền quản lý đất

- Cấp GCN đối với đất

Cấp GCN đối với tài sản trên đất

(Đánh dấu ✓ vào ô trống lựa chọn)

- Thừa đất đăng ký

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:

4.- Cây lâu năm:

a) Loại cây chủ yếu:

b) Diện tích: m²;

c) Nguồn gốc tạo lập:

- Tự trồng rừng:

- Nhà nước giao không thu tiền:

a) Loại cây chủ yếu:

b) Diện tích:m²;

- Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/>	c) Sở hữu chung:m ² ,
- Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/>	Sở hữu riêng:m ² ;
- Nguồn vốn trồng, nhận quyền: <input type="checkbox"/>	d) Thời hạn sở hữu đến:
d) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ;	
d) Thời hạn sở hữu đến:	
5. Những giấy tờ nộp kèm theo:	
6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:	
Đề nghị khác:	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵	
<i>(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)</i>	
- Nội dung kê khai so với hiện trạng:	
- Nguồn gốc sử dụng đất:	
- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:	
4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:	
5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:	
6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:	
7. Nội dung khác:	
Ngày tháng năm	Ngày tháng năm
Công chức địa chính (Ký, ghi rõ họ, tên)	TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch (Ký tên, đóng dấu)
<i>(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)</i>	
III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	

(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)	Ngày tháng năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
--	---

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/DK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

8. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở. Mã số hồ sơ: T-BPC-280626-TT

Sau khi hoàn thành công trình, chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở có trách nhiệm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường các giấy tờ sau đây:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;
- Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500, Giấy phép xây dựng (nếu có);
- Giấy chứng nhận hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ dự án phát triển nhà ở (trừ trường hợp được miễn hoặc chậm nộp theo quy định của pháp luật);
- Sơ đồ nhà, đất đã xây dựng là bản vẽ mặt bằng hoàn công hoặc bản vẽ thiết kế mặt bằng có kích thước các cạnh của từng căn hộ đã bán phù hợp với hiện trạng xây dựng và hợp đồng đã ký; danh sách các căn hộ, công trình xây dựng để bán (có các thông tin số hiệu căn hộ, diện tích đất, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng chung, riêng của từng căn hộ); trường hợp nhà chung cư thì sơ đồ phải thể hiện phạm vi (kích thước, diện tích) phần đất sử dụng chung của các chủ căn hộ, mặt bằng xây dựng nhà chung cư, mặt bằng của từng tầng, từng căn hộ;
- Báo cáo kết quả thực hiện dự án.

Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án.

Sau khi hoàn thành kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi Thông báo cho chủ đầu tư dự án về kết quả kiểm tra; gửi Thông báo kèm theo sơ đồ nhà đất đã kiểm tra cho Văn phòng Đăng ký đất đai để làm thủ tục đăng ký nhà, đất cho bên mua đối với các trường hợp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư dự án nhà ở có trách nhiệm nộp 02 bộ hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng hoặc cung cấp hồ sơ cho bên mua để tự đi đăng ký.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

- Kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

- Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

- Gửi số liệu địa chính đến Cục Thuế để xác định và Thông báo thu nghĩa vụ tài chính. Đồng thời chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc.

Bước 2: Cục thuế ra Thông báo nộp tiền: Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 3: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện không quá 07 ngày làm việc (trong đó cơ quan Tài nguyên và Môi trường 03 ngày và UBND tỉnh 04 ngày làm việc);

- Chuyển hồ sơ đã giải quyết Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả, thông báo cho người sử dụng đất biết để trả kết quả và thụ phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Mẫu số 04a/ĐK (bản chính);

- Bản gốc Giấy chứng nhận;

- Hợp đồng về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật;

- Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng;

- Bản đồ địa chính khu đất 03 tờ nếu có (bản chính);

- Quyết định thành lập đơn vị hoặc giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);

- Các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật nếu có (bản sao).

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) **Thời hạn giải quyết:** Không quá 27 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính).

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

f) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) **Phí, lệ phí:** - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 500.000 đồng đối với cấp mới GCNQSD đất.

i) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

k) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

l) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04a/ĐK

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	<i>(Đánh dấu ✓ vào ô trống lựa chọn)</i>
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thửa đất đăng ký:

-- Thửa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất *(Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)*

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:	4.- Cây lâu năm:
a) Loại cây chủ yếu:	
b) Diện tích: m ² ;	

<p>c) Nguồn gốc tạo lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/> - Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/> - Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/> - Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/> - Nguồn vốn trồng, nhận quyền: <input type="checkbox"/> <p>d) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²; d) Thời hạn sở hữu đến:</p>	<p>a) Loại cây chủ yếu:</p> <p>b) Diện tích:m²;</p> <p>c) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>d) Thời hạn sở hữu đến:</p>
<p>5. Những giấy tờ nộp kèm theo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:</p> <p>Đề nghị khác:</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:
- Nguồn gốc sử dụng đất:
- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:
- 4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:
- 5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:
- 6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:
- 7. Nội dung khác:

Ngày tháng năm

Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI



<p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)</i></p>	
<p>Ngày tháng năm</p> <p>Người kiểm tra</p> <p><i>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</i></p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>Giám đốc</p> <p><i>(Ký tên, đóng dấu)</i></p>

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/DK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

9. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không đồng thời là người sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280627-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tiếp nhận hồ sơ nếu đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

- Kiểm tra hồ sơ đăng ký, xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

- Cập nhật bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

- Gửi số liệu địa chính đến Cục Thuế tỉnh để xác định và Thông báo thu nghĩa vụ tài chính. Đồng thời gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc.

Bước 2: Cục Thuế tỉnh ra Thông báo nộp tiền: Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 3: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra hồ sơ và trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện không quá 07 ngày làm việc (trong đó cơ quan Tài nguyên và Môi trường 03 ngày và UBND tỉnh 04 ngày làm việc);

- Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, thông báo cho người sử dụng đất để trả kết quả cho người sử dụng đất thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mẫu số 04a/ĐK (bản chính);

- Ý kiến chuyên ngành đối với tài sản gắn liền với đất là nhà ở, công trình xây dựng, cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng;
- Bản đồ địa chính khu đất 03 tờ (bản chính);
- Quyết định thành lập đơn vị hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);
- Các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật nếu có (bản sao);
- Các giấy tờ liên quan đến đất đai nếu có.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 27 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 500.000 đồng;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04a/ĐK

PHẢN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	<i>(Đánh dấu ✓ vào ô trống lựa chọn)</i>
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

d) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:

a) Loại cây chủ yếu:

b) Diện tích: m²;

c) Nguồn gốc tạo lập:

- Tự trồng rừng:

4.- Cây lâu năm:

a) Loại cây chủ yếu:

<ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/> - Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/> - Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/> - Nguồn vốn trồng, nhận quyền: <input type="checkbox"/> <p>d) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²; đ) Thời hạn sở hữu đến:</p>	<p>b) Diện tích:m²; c) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²; đ) Thời hạn sở hữu đến:</p>
<p>5. Những giấy tờ nộp kèm theo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:</p> <p>Đề nghị khác:</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

<p>II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵</p> <p><i>(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kê khai so với hiện trạng: - Nguồn gốc sử dụng đất: - Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: <p>4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:</p> <p>5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:</p> <p>7. Nội dung khác:</p>	
<p>Ngày tháng năm</p> <p>Công chức địa chính (Ký, ghi rõ họ, tên)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch (Ký tên, đóng dấu)</p>
<p><i>(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)</i></p>	
<p>III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</p> <p>.....</p>	

.....
(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

<p>Ngày tháng năm</p> <p>Người kiểm tra</p> <p>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>Giám đốc</p> <p>(Ký tên, đóng dấu)</p>
---	--

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

10. Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp. Mã số hồ sơ: T-BPC-280628-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tiếp nhận hồ sơ nếu đầy đủ hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

- Kiểm tra hồ sơ đăng ký, xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

- Cập nhật bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

- Gửi số liệu địa chính đến Cục thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính. Đồng thời chuyển hồ sơ đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc.

Bước 2: Cục Thuế tỉnh ra thông báo nộp tiền. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 3: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc ký xác nhận vào trang 04 Giấy chứng nhận sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

- Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả, thông báo cho người sử dụng đất biết để trả kết quả và thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mẫu số 04a/ĐK (bản chính);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính);

- Ý kiến chuyên ngành đối với tài sản gắn liền với đất là nhà ở, công trình xây dựng, cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng;

- Quyết định thành lập đơn vị hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);

- Các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật nếu có (bản sao).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 21 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc ký xác nhận vào trang 04 Giấy chứng nhận đã cấp.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 500.000 đồng đối với cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc 50.000 đồng đối với trường hợp chỉnh lý trang 04 Giấy chứng nhận;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

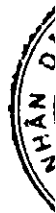
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính.

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04a/ĐK

ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Kính gửi:

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	<i>(Đánh dấu ✓ vào ô trống lựa chọn)</i>
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:

4.- Cây lâu năm:

a) Loại cây chủ yếu:

b) Diện tích: m²;

c) Nguồn gốc tạo lập:

- Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/>	a) Loại cây chủ yếu:
- Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/>	b) Diện tích:m ² ;
- Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/>	c) Sở hữu chung:m ² ,
- Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/>	Sở hữu riêng:m ² ;
- Nguồn vốn trồng, nhận quyền: <input type="checkbox"/>	d) Thời hạn sở hữu đến:
d) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ;	
d) Thời hạn sở hữu đến:	

5. Những giấy tờ nộp kèm theo:

.....

.....

6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:

Đề nghị khác:

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵
(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:

- Nguồn gốc sử dụng đất:

- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:

4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:

5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:

6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:

7. Nội dung khác:

Ngày tháng năm

Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....

<p>.....</p> <p><i>(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)</i></p>	
<p>Ngày tháng năm</p> <p>Người kiểm tra</p> <p><i>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</i></p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>Giám đốc</p> <p><i>(Ký tên, đóng dấu)</i></p>

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

11. Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng công trình xây dựng. Mã số hồ sơ: T-BPC-280629-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

Kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn đề nghị về lý do cấp đổi Giấy chứng nhận, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và chuyển hồ sơ đề cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 2: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra hồ sơ và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả, thông báo cho người sử dụng đất biết để trả kết quả và thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mẫu số 10/ĐK (bản chính);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính);

- Bản đồ địa chính khu đất 03 tờ đối với trường hợp phải đo vẽ lại (bản chính);

- Quyết định thành lập đơn vị hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao).

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày.

Ghi chú: Đối với các trường hợp phải phụ lục lại hợp đồng thuê đất thì thời gian cộng thêm 09 ngày làm việc. Trong đó: Sở Tài nguyên và Môi trường 02 ngày; Văn phòng Đăng ký đất đai 02 ngày; Cục Thuế tỉnh 05 ngày đối với trường hợp có phát sinh nghĩa vụ tài chính.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẢN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
 Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.
 Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
 Quyền
 Ngày/...../.....
 Người nhận hồ sơ
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất
 -- Tên (viết chữ in hoa):
 -- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi
 -- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:
 -- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

4. Thông tin thửa đất có thay đổi đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Nội dung thay đổi khác

4.- Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:
 - Thửa đất số:;
 - Tờ bản đồ số:;
 - Diện tích: m²

4.- Thông tin thửa đất mới thay đổi:
 - Thửa đất số:;
 - Tờ bản đồ số:;
 - Diện tích: m²

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)

Loại tài sản	Nội dung thay đổi

5.- Thông tin trên GCN đã cấp:
 - Loại tài sản:;
 - Diện tích XD (chiếm đất): m²;

5.- Thông tin có thay đổi:
 - Loại tài sản:;
 - Diện tích XD (chiếm đất): m²;

6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo
 - Giấy chứng nhận đã cấp;

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm
 Người viết đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)

Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:

Ngày tháng năm

Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).

Ngày tháng năm

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

- Khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

12. Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280630-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

Kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn đề nghị về lý do cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau 30 ngày, kể từ ngày đăng tin lần đầu trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; chuyển hồ sơ đề cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 2: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo cho người sử dụng đất biết để nhận kết quả. Đồng thời gửi thông báo hủy Giấy chứng nhận đã bị mất; thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Mẫu số 10/ĐK (bản chính);

- Giấy tờ chứng minh đã đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương về việc mất Giấy chứng nhận; trường hợp mất Giấy chứng nhận do thiên tai, hỏa hoạn phải có Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đó;

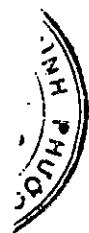
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản sao).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Quyết định thành lập đơn vị hoặc giấy đăng ký kinh doanh (bản sao).

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.



f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
 QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI
 SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

**PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN
 HỒ SƠ**

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng,
 thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
 Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Nội dung thay đổi khác

4.- Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

4.- Thông tin thửa đất mới thay đổi:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)

Loại tài sản	Nội dung thay đổi



<p>5.- Thông tin trên GCN đã cấp:</p> <p>- Loại tài sản:;</p> <p>- Diện tích XD (chiếm đất): m²;</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>5.- Thông tin có thay đổi:</p> <p>- Loại tài sản:;</p> <p>- Diện tích XD (chiếm đất): m²;</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo</p> <p>- Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>.....</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

<p>II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN (Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)</p>	
<p>Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:</p> <p>.....</p>	
<p>Ngày tháng năm</p> <p>Công chức địa chính (Ký, ghi rõ họ, tên)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch (Ký tên, đóng dấu)</p>
<p>III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).</p>	
<p>Ngày tháng năm</p> <p>Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)</p>

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

13. Chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280631-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

Gửi số liệu địa chính đến Cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 2: Cục Thuế tỉnh ra thông báo nộp tiền và gửi lại cho Văn phòng Đăng ký đất đai. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 3: Văn phòng Đăng ký đất đai trình ký xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sau khi chủ sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

* Trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc.

Bước 4: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc;

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo cho người sử dụng đất biết để nhận kết quả; thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

* **Ghi chú:** Đối với trường hợp chuyển nhượng hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê, Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả chuyển 01 bộ hồ sơ cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho chuyển nhượng. Thời gian thực hiện không quá 07 ngày làm việc trong cơ quan Tài nguyên và Môi trường 03 ngày làm việc, UBND tỉnh không quá 04 ngày làm việc. Sau khi có chủ trương của UBND tỉnh thì thực hiện theo trình tự trên.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính);
- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản chính);
- Bản đồ địa chính khu đất 03 tờ đối với trường hợp phải đo vẽ lại (bản chính);
- Quyết định thành lập đơn vị hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);
- Các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật nếu có (bản sao).

Ghi chú: Đối với trường hợp chủ sử dụng đất đề nghị chỉnh lý trang 04 Giấy chứng nhận thì yêu cầu bổ sung Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo mẫu 09/ĐK (bản chính).

* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai; Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc xác nhận vào trang 04 giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 100.000 đồng đối với trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận và 50.000 đồng cho trường hợp xác nhận vào trang 04 Giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất Đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động

.....
.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....
.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

<i>(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Công chức địa chính <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG <i>(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Thủ trưởng cơ quan <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

- Kế khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

14. Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án. Mã số hồ sơ: T-BPC-280632-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

Kiểm tra hồ sơ trình ký xác nhận và đơn đăng ký biến động đất đai, gửi số liệu địa chính đến Cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 2: Cục Thuế tỉnh ra thông báo nộp tiền và gửi lại cho Văn phòng Đăng ký đất đai. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 3: Văn phòng Đăng ký đất đai trình ký xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sau khi chủ sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

* Trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc.

Bước 4: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính và chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Ghi chú: Trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất mà đất đó chưa được cấp Giấy chứng nhận (lần đầu) thì phải trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo cho người sử dụng đất biết để nhận kết quả; thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính);

- Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm Quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật; Văn bản thỏa thuận hoặc Hợp đồng thế chấp, góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp, góp vốn và văn bản bàn giao tài sản thế chấp, góp vốn theo thỏa thuận; Quyết định hoặc Bản án của Tòa án nhân dân, Quyết định thi hành án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành có nội dung xác định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án đã được thi hành;

- Bản đồ địa chính khu đất 03 tờ nếu có (bản chính);

- Quyết định thành lập đơn vị hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);

- Các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật nếu có (bản sao).

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc (không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai; Sở Tài nguyên và Môi trường;

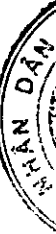
- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc xác nhận vào trang 04 giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 100.000 đồng đối với trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận và 50.000 đồng cho trường hợp xác nhận vào trang 04 Giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.



l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/201/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHẢN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng,
thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động

.....
.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....
.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....
.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

<i>(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Công chức địa chính <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG <i>(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Thủ trưởng cơ quan <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

- Khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

15. Tách thửa hoặc hợp thửa đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280633-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

Lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 2: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo cho người sử dụng đất biết để nhận kết quả; thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính);
- Văn bản ủy quyền (nếu có);
- Bản đồ địa chính khu đất 03 tờ (bản chính);
- Quyết định thành lập đơn vị hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao).

** Số lượng hồ sơ: 02 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 11/ĐK.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 11/ĐK

PHẢN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN
HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TÁCH THỪA ĐẤT, HỢP THỪA ĐẤT

Kính gửi:

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem kỹ hướng dẫn ở cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã viết)

- Người sử dụng đất:

-- Tên người sử dụng đất (Viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ

- Đề nghị tách, hợp thửa đất như sau:

-- Đề nghị tách thành thửa đất đối với thửa đất dưới đây:

a) Thửa đất số:; b) Tờ bản đồ số:

c) Địa chỉ thửa đất:

d) Số phát hành Giấy chứng nhận:

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận:; ngày cấp/...../.....

đ) Diện tích sau khi tách thửa: Thửa thứ nhất: ... m²; Thửa thứ hai: ... m²;

-- Đề nghị hợp các thửa đất dưới đây thành một thửa đất:

Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Số phát hành Giấy chứng nhận	Số vào sổ cấp giấy chứng nhận

- Lý do tách, hợp thửa đất:

4. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của thửa đất trên;

- Sơ đồ dự kiến phân chia các thửa đất trong trường hợp tách thửa (nếu có):

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

<i>Ngày tháng năm</i> Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	<i>Ngày tháng năm</i> Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
---	---

Hướng dẫn viết đơn:

- Đơn này dùng trong trường hợp người sử dụng đất đề nghị tách một thửa đất thành nhiều thửa đất mới hoặc đề nghị hợp nhiều thửa đất thành một thửa đất;
- Đề gửi đơn: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất;
- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ "Hộ ông/bà" và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;
- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối "Phần khai của người sử dụng đất trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

16. Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280634-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

Kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK); cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai, gửi số liệu địa chính đến Cục thuế để thực hiện nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện không quá 11 ngày làm việc;

Đồng thời chuyển hồ sơ để cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình ký Quyết định và ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 2: Cục Thuế tỉnh ra thông báo nộp tiền cho người sử dụng đất và gửi lại cho Văn phòng Đăng ký Đất đai. Thời gian thực hiện 05 ngày làm việc;

Bước 3: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra hồ sơ và ký Quyết định chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 4: Sau khi chủ sử dụng đất thực hiện xong nghĩa vụ Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai trình ký chỉnh lý trang 04 Giấy chứng nhận hoặc chuyển hồ sơ cho Cơ quan Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận khi người sử dụng đất có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận sau đó chuyển cho Văn phòng Đăng ký đất đai. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo cho người sử dụng đất biết để nhận kết quả; thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK);



- Bản chính Giấy chứng nhận;
- Quyết định thành lập đơn vị hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);
- Hợp đồng thuê đất.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 35 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chính lý trang 04 Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng đối với trường hợp chính lý trang 04 Giấy chứng; 100.000 đồng đối với cấp Giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

- Chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc không kể thời gian Cục Thuế tỉnh ra thông báo nộp thuế và thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai; Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chính lý trang 04 Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng,
thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;;
.....;;
.....;;
.....;;
.....;;
.....;;
.....;;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động
.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:
- Giấy chứng nhận đã cấp:.....



Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ <i>(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Công chức địa chính <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG <i>(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Thủ trưởng cơ quan <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

18. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp. Mã số hồ sơ: T-BPC-280636-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

Kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK); cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai chuyển hồ sơ để cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình cấp có thẩm quyền ký chỉnh lý Giấy chứng nhận. Thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc;

Bước 2: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra hồ sơ và ký chỉnh lý Giấy chứng nhận và chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc;

Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Thông báo cho người sử dụng đất biết để nhận kết quả; thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK);
- Bản chính Giấy chứng nhận;

**Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chỉnh lý trang 04 Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.



D) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;
;
;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;
;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ <i>(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Công chức địa chính <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG <i>(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Thủ trưởng cơ quan <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

- Khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sụt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

19. Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280637-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ;

Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì thực hiện các công việc sau:

- Chính lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai, trình Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai ký xác nhận vào trang 03, 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc;

- Trường hợp thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế thì chuyển hồ sơ đề cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và chuyển trả cho Văn phòng Đăng ký đất đai. Thời gian thực hiện không quá 06 ngày làm việc.

Bước 2: Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả để trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký và thu phí, lệ phí đăng ký. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;
- Hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản chính);
- Giấy chứng nhận thành lập đơn vị (bản sao có chứng thực) đối với trường hợp thuê lại đất.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian giải quyết 04 ngày làm việc đối với trường hợp ký xác nhận vào trang 03, 04 Giấy chứng nhận; 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai.

g) Kết quả việc thực hiện: Xác nhận trang 03, 04 Giấy chứng nhận hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí: 50.000 đồng đối với trường hợp xác nhận vào trang 03, 04 Giấy chứng nhận; 100.000 đồng đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất (do cơ quan Tài nguyên và Môi trường cung cấp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/201/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

20. Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280638-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ;

Bước 2: Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ trình Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai ký xác nhận vào trang 03, 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai sau đó chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả để trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc;

Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo cho người yêu cầu đăng ký biết và nhận kết quả; thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

- Văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng cho thuê, cho thuê lại bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có xác nhận đã được thanh lý hợp đồng;

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian giải quyết 04 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả việc thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận trang 03, Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: 50.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

21. Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280639-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ;

- Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì có trách nhiệm: trình Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai ký xác nhận vào trang 03, 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc;

- Trường hợp đăng ký góp vốn hình thành pháp nhân mới thì lập hồ sơ trình cơ quan Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; gửi thông tin địa chính đến Cục Thuế tỉnh để xác định nghĩa vụ tài chính (đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính). Thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc.

Bước 2: Cục Thuế tỉnh ra thông báo nộp tiền (đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) và chuyển thông báo cho Văn phòng Đăng ký đất đai. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc;

Bước 3: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật (đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính), sau đó chuyển hồ sơ đã ký cho Văn phòng Đăng ký đất đai để chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày làm việc;

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông cho người sử dụng đất biết để nhận kết quả; thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản gốc Giấy chứng nhận;
- Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản chính);
- Giấy chứng nhận thành lập đơn vị (bản sao có chứng thực) đối với trường hợp hình thành pháp nhân mới.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh.

g) Kết quả việc thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận trang 03, 04 Giấy chứng nhận hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h) Phí, lệ phí: 50.000 đồng đối với trường hợp xác nhận vào trang 03, 04 Giấy chứng nhận; 100.000 đồng đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 500.000 đồng đối với trường hợp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (do các bên tự thỏa thuận theo quy định của Luật Dân sự).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

22. Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280640-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai ngay trong ngày nhận hồ sơ;

Bước 2: Phòng chuyên môn của Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ trình Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai ký xác nhận vào trang 03, 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai sau đó chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả để trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc;

Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký và thu phí, lệ phí đăng ký. Thời gian thực hiện không quá 01 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ gồm:*

- Bản gốc Giấy chứng nhận;

- Văn bản thanh lý hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có xác nhận đã được thanh lý hợp đồng.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai.

g) Kết quả việc thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận trang 03, 04 Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: 50.000đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

(Kèm theo Thông tư số
của Bộ tr

CỘNG HÒA
ĐỘ
—

Kính

- Tên tổ chức
Đại diện là
Số CMTND
cấp ngày...

- Địa chỉ:....

.....
- Số điện th

4. Danh mục
chỉ.....

Thừa đ

Người sử

Quyền s

Tài sản g

Tình tr

5. Mục đích

.....
6. Hình thức

Bản gi

Gửi E

7. Cam kết
trái với quy

¹ Dữ liệu 1

² Dữ liệu 2

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Số: /HĐCCTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

- Căn cứ Bộ luật dân sự;
 - Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,
- Hôm nay, ngày..... tháng năm , tại, chúng tôi gồm:

- Bên cung cấp dữ liệu (Bên A):

Cơ sở dữ liệu thuộc

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại, Fax:Email:

Số tài khoản :

- Bên yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại, Fax:Email:

Số tài khoản :

Hai bên nhất trí thoả thuận ký hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai như sau:

Điều - Nội dung hợp đồng: (về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu)

Điều - Thời gian thực hiện:..... ngày, kể từ ngày tháng..... năm

Điều - Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu:
- Nhận gửi qua đường bưu điện:

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Phí và chi phí phải trả cho việc cung cấp dữ liệu đất đai là:đồng.
(Bằng chữ: đồng)
Trong đó: Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là:đồng
Phí dịch vụ cung cấp dữ liệu là:đồng
Số tiền đặt trước:đồng
Hình thức thanh toán (*tiền mặt, chuyển khoản*):.....

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

.....
.....

Điều 6: Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....
.....

Điều 7: Điều khoản chung

- Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ bản, bên B giữ bản.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày

BÊN B

(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức, ghi họ
tên đối với cá nhân)

BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

24. Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.
Mã số hồ sơ: T-BPC-280642-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ trình Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai ký xác nhận vào Đơn đăng ký thế chấp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký và thu phí, lệ phí. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc (chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo nếu hồ sơ nộp sau 15 giờ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp 02 tờ;

- Bản gốc Giấy chứng nhận;

- Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (bản chính);

- Giấy phép xây dựng đối với trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (bản sao có chứng thực);

- Giấy phép xây dựng hoặc Dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trong trường hợp thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được cấp phép xây dựng hoặc lập dự án đầu tư).

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ nộp sau 15 giờ thì chuyển qua ngày hôm sau.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Văn phòng Đăng ký đất đai.

g) Kết quả việc thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trang bổ sung Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: 70.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (mẫu số 01/ĐKTC).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:



- Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Thông tư Liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

- Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn và tờ khai đính kèm:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01/ĐKTC

....., ngày tháng năm

ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

PHÂN GHI CỦA CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
Thời điểm nhận hồ sơ: ___ giờ ___ phút, ngày ___ / ___ / ___
Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyển số _____ Số thứ tự _____
Cán bộ đăng ký (ký và ghi rõ họ, tên)

Kính gửi:

PHẦN KÊ KHAI CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THẺ CHẤP	
- Bên thế chấp	
-- Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (viết chữ IN HOA)	
-- Địa chỉ liên hệ:	
-- Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):	
Địa chỉ email (nếu có):	
-4. <input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/> Hộ chiếu
Số:	Cơ quan cấp: cấp ngày:
<input type="checkbox"/> GCN đăng ký kinh doanh	<input type="checkbox"/> QĐ thành lập
Số:	Cơ quan cấp: cấp ngày: tháng
- Bên nhận thế chấp	
-- Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (viết chữ IN HOA)	
-- Địa chỉ liên hệ:	
-- Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):	
Địa chỉ email (nếu có):	
-4. <input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/> Hộ chiếu. Số:
cấp:	cấp ngày: tháng năm Cơ quan
<input type="checkbox"/> GCN đăng ký kinh doanh	<input type="checkbox"/> QĐ thành lập
Số:	Cơ quan cấp: cấp ngày: ... tháng năm



- Mô tả tài sản thế chấp

-- Quyền sử dụng đất

--- Thửa đất số:; Tờ bản đồ số (nếu có):

Loại đất

--- Địa chỉ thửa đất:

--- Diện tích đất thế chấp:m²

(ghi bằng chữ:

--4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy: Cơ quan cấp:
....., cấp ngày tháng năm

b) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất:

-- Tài sản gắn liền với đất:

--- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy: Cơ quan cấp:....., cấp ngày tháng năm

--- Số của thửa đất nơi có tài sản:

--- Mô tả tài sản thế chấp:

4. Hợp đồng thế chấp: số (nếu có), ký kết ngày tháng năm

5. Tài liệu kèm theo:

6. Phương thức nhận kết quả đăng ký: Nhận trực tiếp Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ)

Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thoả thuận của các bên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

**BÊN THẾ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN THẾ CHẤP ỦY
QUYỀN)**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)*

**BÊN NHẬN THẾ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN NHẬN
THẾ CHẤP ỦY QUYỀN)**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)*

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất:.....

Chứng nhận việc thế chấp

đã được đăng ký theo những nội dung kê khai tại đơn này.

..... ngày tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

- Kê khai về bên thế chấp, bên nhận thế chấp:

-- Tại điểm -4 và điểm -4: Nếu bên thế chấp, bên nhận thế chấp là cá nhân trong nước thì kê khai về chứng minh nhân dân; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì kê khai về hộ chiếu; nếu là tổ chức thì kê khai về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đầu tư.

-- Khi cần kê khai thêm về bên thế chấp, bên nhận thế chấp mà không còn chỗ ghi tại mẫu số 01/ĐKTC thì ghi tiếp vào mẫu số 07/BSCB.

- Mô tả về tài sản thế chấp:

-- Tại điểm --4.b: Kê khai giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai (nếu không có GCN quyền sử dụng đất). Trường hợp có tên trong sổ đăng ký ruộng đất hoặc Sổ Địa chính thì ghi số trang, số quyền Sổ Địa chính, ngày, tháng, năm lập Sổ.

-- Tại điểm --3: Kê khai như sau:

a) Nếu tài sản thế chấp là nhà thì phải kê khai loại nhà (nhà ở, nhà xưởng, nhà kho, ...), số tầng, diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất), diện tích sử dụng, địa chỉ nhà đó.

b) Trường hợp tài sản thế chấp là nhà chung cư thì ghi tên của nhà chung cư, số tầng, diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất), tổng số căn hộ, địa chỉ nhà chung cư đó.

c) Trường hợp tài sản thế chấp là căn hộ trong nhà chung cư thì ghi "căn hộ chung cư" và ghi số của căn hộ, tầng số, diện tích sử dụng của căn hộ, địa chỉ nhà chung cư đó.

d) Trường hợp tài sản thế chấp là công trình hạ tầng kỹ thuật thì ghi loại công trình hạ tầng, tên từng hạng mục công trình và diện tích chiếm đất của hạng mục công trình đó. Đối với công trình kiến trúc khác thì ghi tên công trình và diện tích chiếm đất của công trình, địa chỉ nơi có công trình.

đ) Trường hợp tài sản thế chấp là cây rừng, cây lâu năm thì ghi loại cây rừng, loại cây lâu năm, diện tích, địa chỉ nơi có cây rừng, cây lâu năm.

-- Khi cần kê khai thêm về tài sản thế chấp mà không còn chỗ ghi tại mẫu số 01/ĐKTC thì ghi tiếp vào mẫu số 06/BSTS.

- Mục các bên thế chấp, bên nhận thế chấp ký tên:

Trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản thì Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải ký và đóng dấu vào đơn tại bên nhận thế chấp; bên thế chấp và bên nhận thế chấp không phải ký và đóng dấu vào đơn.

25. Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280643-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tiếp nhận và kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ trình Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai ký xác nhận vào Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Thời gian thực hiện và trả kết quả trong ngày làm việc (chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo nếu hồ sơ nộp sau 15 giờ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc, chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo nếu hồ sơ nộp sau ba 15 giờ.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Văn phòng Đăng ký đất đai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận đăng ký xóa thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trang bổ sung Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: 20.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 03/XTC).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2010/NĐ- CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Thông tư Liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

- Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng .. năm

ĐƠN YÊU CẦU XOÁ ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP QUYỀN
SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA CÁN BỘ ĐĂNG KÝ

Thời điểm nhận hồ sơ:
 ___ giờ ___ phút, ngày ___ / ___ / ___
Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ:
 Quyền số _____ Số
 thứ tự _____
 Cán bộ đăng ký
 (ký và ghi rõ họ, tên)

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU XOÁ ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP

- Người yêu cầu xóa Bên thế chấp Bên nhận thế chấp
 đăng ký thế chấp: Người được ủy quyền
 -- Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (viết chữ IN HOA)

 -- Địa chỉ liên hệ:

 -- Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Địa chỉ email (nếu có):
 -4. Chứng minh nhân dân Hộ chiếu
 Số: Cơ quan cấp cấp ngày
 GCN đăng ký kinh doanh QĐ thành lập GP đầu tư
 Số: Cơ quan cấp cấp ngày tháng năm

- Yêu cầu xóa đăng ký thế chấp đối với các tài sản sau đây:
 -- Quyền sử dụng đất
 --- Thửa đất số:; Tờ bản đồ số (nếu có):;
 Loại đất
 --- Địa chỉ thửa đất:

 --- Diện tích đất thế chấp: m- (ghi bằng chữ:
 --4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
 a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:
 Số phát hành: , số vào sổ cấp giấy:
 Cơ quan cấp: , cấp ngày tháng năm
 b) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất:

-- Tài sản gắn liền với đất:

-- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:
 Số phát hành:....., số vào sổ cấp giấy:.....
 Cơ quan cấp:, cấp ngày tháng năm

--- Số của thửa đất nơi có tài sản:; Tờ bản đồ số (nếu có):

--- Mô tả tài sản thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp: số (nếu có), ký kết ngày tháng năm

4. Lý do xóa đăng ký:

5. Tài liệu kèm theo:

6. Phương thức nhận kết quả đăng ký: Nhận trực tiếp Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ)

Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận của các bên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN THẾ CHẤP (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN THẾ CHẤP ỦY QUYỀN) <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu là tổ chức)</i>	BÊN NHẬN THẾ CHẤP (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN NHẬN THẾ CHẤP ỦY QUYỀN) <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu là tổ chức)</i>
--	--

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất:.....

Chúng nhận đã xóa đăng ký thế chấp theo những nội dung được kê khai tại đơn này.

..... ngày tháng năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)



- Tại khoản 1: Người yêu cầu xoá đăng ký thế chấp:

-- Người yêu cầu xoá đăng ký thế chấp thuộc trường hợp nào trong số 03 trường hợp liệt kê tại khoản này thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng với trường hợp đó.

-- Tại điểm -4: Nếu người yêu cầu xoá đăng ký thế chấp là cá nhân trong nước thì kê khai về chứng minh nhân dân; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì kê khai về hộ chiếu; nếu là tổ chức thì kê khai về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đầu tư.

- Tại khoản 2: Yêu cầu xoá đăng ký thế chấp:

-- Kê khai các thông tin về tài sản đã đăng ký thế chấp đúng như nội dung trong đơn yêu cầu đăng ký thế chấp đã kê khai trước đó.

-- Trường hợp trong mẫu số 03/XĐK không còn chỗ ghi nội dung kê khai về tài sản đã đăng ký thế chấp cần xoá thì sử dụng mẫu số 06/BSTS.

26. Xác định tiền sử dụng đất của người sử dụng đất đối với trường hợp áp dụng các phương pháp so sánh, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để tính thu tiền sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280644-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc phòng chuyên môn thuộc Sở chuyển đến Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường;

Trường hợp hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, thị xã (gọi chung là cấp huyện) nộp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường ngay trong ngày nhận hồ sơ.

Bước 2: Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường có trách nhiệm mời các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã có liên quan khảo sát thực địa để thu thập thông tin và định giá đất cụ thể và tổng hợp tham mưu lãnh đạo Sở trình Hội đồng thẩm định giá đất. Thời gian thực hiện 10 ngày làm việc;

(Trường hợp thuê đơn vị lập hồ sơ định giá thu tiền sử dụng đất. Thời gian thực hiện 10 ngày làm việc, tính từ ngày ký hợp đồng thuê đơn vị lập hồ sơ định giá thu tiền sử dụng đất).

Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường có trách nhiệm mời các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã có liên quan thẩm định hồ sơ định giá thu tiền sử dụng đất và tổng hợp tham mưu Lãnh đạo Sở trình Hội đồng thẩm định giá đất. Thời gian thực hiện 10 ngày làm việc.

Bước 3: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị thẩm định phương án giá đất của Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá đất có trách nhiệm tổ chức thẩm định phương án giá đất theo quy định;

Bước 4: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện dự thảo phương án giá đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định;

Bước 5: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án giá đất của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định giá đất thu tiền sử dụng đất;

Bước 6: Đối với tổ chức kinh tế: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ địa chính do cơ quan Tài nguyên và Môi trường cung cấp; giá đất tính thu tiền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất (nếu có) do cơ quan Tài chính xác định; cơ quan Thuế thực hiện xác định và Thông báo tiền sử dụng đất cho tổ chức kinh tế.

Đối với hộ gia đình, cá nhân: Căn cứ hồ sơ địa chính do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan Thuế xác định và Thông báo tiền sử dụng đất phải nộp cho hộ gia đình, cá nhân.

(Trường hợp chưa đủ cơ sở để xác định số thu tiền sử dụng đất thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải Thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để bổ sung hồ sơ; sau khi có đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan thuế phải ra Thông báo nộp tiền sử dụng đất chậm nhất sau 05 ngày làm việc, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung).

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc phòng chuyên môn thuộc Sở chuyển trực tiếp đến Phòng giá đất – Giải tỏa bồi thường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc cấp huyện gửi đến thì nộp hồ sơ tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Quyết định giao đất (02 bản);
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nếu có (02 bản);
- Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện;
- Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính (02 bản);
- Bản đồ địa chính (02 bản).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế; hộ gia đình, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính; Cục thuế; Chi Cục thuế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt giá đất tính thu tiền sử dụng đất; Thông báo nộp tiền sử dụng đất.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
 - Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
 - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
 - Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;
 - Thông tư số 76/2014/TT-BTNMT ngày 16/ 6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
 - Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.
-

27. Xác định tiền thuê đất của người sử dụng đất đối với trường hợp áp dụng các phương pháp so sánh, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để tính thu tiền sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280645-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc phòng chuyên môn thuộc Sở chuyển đến Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường;

Trường hợp hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, thị xã (gọi chung là cấp huyện) nộp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả, viết biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường ngay trong ngày nhận hồ sơ.

Bước 2: Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường có trách nhiệm mời các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã có liên quan khảo sát thực địa để thu thập thông tin và định giá đất cụ thể và tổng hợp tham mưu lãnh đạo Sở trình Hội đồng thẩm định giá đất. Thời gian thực hiện 10 ngày làm việc;

(Trường hợp thuê đơn vị lập hồ sơ định giá thu tiền sử dụng đất. Thời gian thực hiện 10 ngày làm việc, tính từ ngày ký hợp đồng thuê đơn vị lập hồ sơ định giá thu tiền sử dụng đất).

Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường có trách nhiệm mời các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã có liên quan thẩm định hồ sơ định giá thu tiền sử dụng đất và tổng hợp tham mưu Lãnh đạo Sở trình Hội đồng thẩm định giá đất. Thời gian thực hiện 10 ngày làm việc.

Bước 3: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá đất có trách nhiệm thẩm định phương án giá đất theo quy định;

Bước 4: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện dự thảo phương án giá đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

Bước 5: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án giá đất của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định giá đất thu tiền thuê đất;

Bước 6: Căn cứ quyết định cho thuê đất, hồ sơ địa chính do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, mức tỷ lệ (%) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền thuê đất do cơ quan Tài chính xác định và chuyển đến (nếu có), cơ quan Thuế xác định đơn giá thuê đất cho kỳ ổn định đơn giá thuê đất đầu tiên để Thông báo bằng văn bản cho người thuê đất và chuyển cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường làm căn cứ ghi vào Hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện 05 ngày làm việc;

Trường hợp chưa đủ cơ sở để xác định số thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải Thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ để bổ sung; sau khi có đủ hồ sơ địa chính thì thời hạn hoàn thành là sau 05 ngày làm việc, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc phòng chuyên môn thuộc Sở chuyên trực tiếp đến Phòng Giá đất – Giải tỏa bồi thường của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc cấp huyện gửi đến thì nộp hồ sơ tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Quyết định cho thuê đất (02 bản);
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nếu có (02 bản);
- Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện (02 bản);
- Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính (02 bản);
- Bản đồ địa chính (02 bản).

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế; hộ gia đình, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính; Cục thuế; Chi Cục thuế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt giá đất tính thu tiền thuê đất, Thông báo nộp tiền thuê đất.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số năm 2013;

- Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sự dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 77/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

28. Cấp Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ. Mã số hồ sơ: T-BPC-280646-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường; Bộ phận nhận và Trả kết quả chuyên phòng chuyên môn. Thời gian thực hiện 01 ngày (trong ngày làm việc).

Bước 2: Phòng chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và lập biên bản (thẩm định năng lực kỹ thuật, trang thiết bị và nội dung xin cấp phép). Thời gian thực hiện 03 ngày làm việc.

Bước 3: Phòng chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Giám đốc Sở gửi văn bản, hồ sơ xin cấp giấy phép + Biên bản thẩm định cho Cục Đo đạc và Bản đồ. Thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

Bước 4: Cục Đo đạc và Bản đồ cấp Giấy phép cho tổ chức được cấp phép. Thời gian 05 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, giấy tờ chứng minh về việc đóng bảo hiểm, bản khai quá trình công tác, quyết định bổ nhiệm của kỹ thuật trưởng;
- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ;
- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy tờ về sở hữu thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ gồm chứng từ mua bán, thuê hoặc chuyển giao thiết bị, công nghệ.

** Số lượng hồ sơ: 02 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc (không tính thời gian gửi, nhận hồ sơ từ Cục Đo đạc và Bản đồ).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Cục Đo đạc và Bản đồ - Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản thẩm định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01a.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức trong nước được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ các điều kiện sau:

- Có Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ đối với đơn vị sự nghiệp; có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề đo đạc và bản đồ đối với tổ chức hoạt động kinh doanh;

- Có lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ tối thiểu như sau:

+ Một (01) kỹ thuật trưởng có trình độ Đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo về đo đạc và bản đồ, có thực tế hoạt động đo đạc và bản đồ ít nhất 03 (ba) năm, có hợp đồng lao động được đóng bảo hiểm từ một (01) năm trở lên, không được đồng thời là kỹ thuật trưởng của tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ khác;

+ Bốn (04) nhân viên kỹ thuật có trình độ trung cấp trở lên, chuyên ngành đào tạo về đo đạc và bản đồ.

- Có trang thiết bị công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với định mức thiết bị quy định trong Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện 01 (một) sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc nội dung đề nghị cấp phép.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và Bản đồ;

- Quyết định số 1723/QĐ-BTNMT ngày 30/6/2015 về việc công bố bộ TTHC mới ban hành trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập:

Số tài khoản:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax: E-mail:

Căn cứ Nghị định số/20-.../ND-CP ngày tháng năm 201..... của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

-

-

.....

.....

.....

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT

- Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề

Đơn vị tính: Người

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Công nhân kỹ thuật
1	(Trắc địa)	05	02	0



2	(Địa chính)
...

- Người chịu trách nhiệm theo pháp luật và Kỹ thuật trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên
1	(Nguyễn Văn A)	Giám đốc
2	(Nguyễn Văn B)	Đội trưởng	Kỹ sư trắc địa	03 năm

- Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên
1	(Nguyễn Văn B)	Đội trưởng	Kỹ sư trắc địa	03 năm
2	(Nguyễn Văn C)	Nhân viên	Trung cấp địa chính
...

II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
.....			

Cam kết:..... (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

29. Bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ. Mã số hồ sơ: T-BPC-280647-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả chuyên phòng chuyên môn. Thời gian thực hiện 01 ngày làm việc;

Bước 2: Phòng chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các Phòng thuộc Sở chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ xin bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ. Thời gian thực hiện 03 ngày làm việc;

Bước 3: Phòng chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Giám đốc Sở gửi văn bản, hồ sơ xin bổ sung nội dung Giấy phép + Biên bản thẩm định cho Cục Đo đạc và Bản đồ. Thời gian thực hiện 01 ngày làm việc;

Bước 4: Cục Đo đạc và Bản đồ cấp Giấy phép cho tổ chức được cấp phép. Thời gian thực hiện 05 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, giấy tờ chứng minh về việc đóng bảo hiểm, bản khai quá trình công tác, quyết định bổ nhiệm của kỹ thuật trưởng - đối với trường hợp thay đổi kỹ thuật trưởng so với thời điểm được cấp phép;
- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ được bổ sung so với thời điểm được cấp phép;
- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy tờ về sở hữu thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ được bổ sung so với thời điểm được cấp phép gồm chứng từ mua bán, thuê hoặc chuyển giao thiết bị, công nghệ;
- Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

** Số lượng hồ sơ: 02 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc (không tính thời gian gửi, nhận hồ sơ từ Cục Đo đạc và Bản đồ).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Cục Đo đạc và Bản đồ - Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản thẩm định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01b.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động Đo đạc và Bản đồ.

- Quyết định số 1723/QĐ-BTNMT ngày 30/6/2015 về việc công bố bộ TTHC mới ban hành trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập:

Số tài khoản:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số, ngày tháng năm ...

Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp phép: (các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện từ năm đến năm):

Số TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1					
2					
.....					

Căn cứ Nghị định số/201...../NĐ-CP ngày tháng năm 20-... của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp bổ sung các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ sau:

-
-
-

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung)

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT

- Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề²

Đơn vị tính: người

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Công nhân kỹ thuật	Thay đổi so với thời điểm được cấp phép (số lượng tăng/giảm)
1	(Trắc địa)	07	01	0	+ 02 đại học; - 01 Trung cấp
2	...				
3	...				
...					

- Người chịu trách nhiệm theo pháp luật và Kỹ thuật trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Ghi chú
1	(Nguyễn Văn A)	Giám đốc
2	(Nguyễn Văn B)	Đội trưởng	Kỹ sư trắc địa	03 năm

II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Thay đổi so với thời điểm được cấp phép (số lượng tăng/giảm)
1	(Toàn đạc điện tử)	03	+ 02
2				
3				
...				

Cam kết: (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

30. Kiểm tra, nghiệm thu bản đồ địa chính. Mã số hồ sơ: T-BPC-280648-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Kiểm tra lưới khống chế. Thời gian thực hiện 07 ngày làm việc;

+ Các loại sổ đo;

+ Kiểm tra kết quả sổ đo và thành quả tính toán bình sai, đánh giá chất lượng lưới;

+ Kiểm tra mật độ, thống kê khối lượng điểm đo vẽ;

+ Đo kiểm tra các cạnh lưới ngoài thực địa.

Bước 2: Kiểm tra bản đồ địa chính; tổng hợp tất cả các phiếu kiểm tra, từng mảnh bản đồ để nhận xét đánh giá chất lượng sản phẩm bằng Biên bản kiểm tra, nghiệm thu công đoạn đo đạc lập bản đồ địa chính. Thời gian thực hiện 14 ngày làm việc;

+ Ranh giới hành chính, đánh số, chia mảnh, đối chiếu với các sổ sách liên quan (nội nghiệp);

+ Kiểm tra vị trí, kích thước, hình thể, loại ruộng đất giữa bản đồ và thực địa (ngoại nghiệp).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp Phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- *Lưới khống chế đo vẽ;*

+ Sổ đo thi công lưới;

+ Tài liệu kiểm nghiệm máy và dụng cụ đo đạc;

+ Sổ đo góc, đo cạnh và bản tính toán bình sai (nếu có);

+ Sổ đo và đĩa từ ghi kết quả (nếu đo bằng GPS phải có lịch đo GPS);

+ Ghi chú điểm và Biên bản bàn giao mốc;

+ Tài liệu tính toán bình sai tọa độ, đĩa từ ghi kết quả bình sai;

+ Bảng thống kê tọa độ của các điểm địa chính;

+ Bảng tính chênh cao và độ cao các điểm địa chính;

+ Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu cấp đơn vị thi công.

- *Bản đồ địa chính;*

+ Sổ điều tra dã ngoại;

+ Bảng thống kê diện tích, loại đất theo chủ sử dụng;

+ Sổ mục kê;

- + Bản đồ địa chính;
- + Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu cấp đơn vị thi công.
- * *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 21 ngày làm việc. Trong đó: Lưới khống chế đo vẽ 07 ngày; Bản đồ địa chính 14 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Các phiếu kiểm tra, biên bản kiểm tra nghiệm thu chất lượng sản phẩm.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số năm 2013;
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
 - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
 - Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Bản đồ địa chính;
 - Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính.
-

31. Kiểm tra nghiệm thu hồ sơ địa chính. Mã số hồ sơ: T-BPC-280649-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị thi công nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường;

Bước 2: Phòng chuyên môn kiểm tra: số lượng, khối lượng, hình thức, tính pháp lý và nhận xét đánh giá bằng phiếu kiểm tra và biên bản kiểm tra, nghiệm chất lượng sản phẩm;

Bước 3: Bàn giao kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Bản đồ địa chính;
- Sổ địa chính;
- Sổ mục kê;
- Sổ theo dõi biến động đất đai;
- Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Bảng biểu tổng hợp diện tích;
- Các bảng biểu, phụ lục nếu có;

Ngoài các hồ sơ trên, cần bổ sung theo yêu cầu của dự án hoặc thiết kế kỹ thuật – dự toán.

** Số lượng hồ sơ: 05 bộ (dạng giấy và dạng số).*

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định thời gian làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: phiếu kiểm tra, biên bản kiểm tra nghiệm thu.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số năm 2013;
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
 - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;
 - Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Bản đồ địa chính;
 - Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính.
-

32. Kiểm tra bản vẽ trích đo địa chính. Mã số hồ sơ: T-BPC-280650-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: kiểm tra nội nghiệp: tỉ lệ kiểm tra từ 30% trở lên. Thời gian thực hiện 03 ngày làm việc;

- + Kiểm tra số đo, các yếu tố thể hiện trên bản đồ địa chính;
- + Kiểm tra chiều dài cạnh thửa bằng phương pháp nghịch tính;
- + Kiểm tra tính đồng bộ các thành phần của hồ sơ;
- + Kết thúc kiểm tra lập phiếu.

Bước 2: Kiểm tra ngoại nghiệp. Thời gian thực hiện 04 ngày làm việc;

- + Kiểm tra lưới đo vẽ (nếu có);
- + Đối chiếu hình thể thửa đất trên bản đồ với ngoài thực địa;
- + Đo kiểm tra chiều dài cạnh thửa trong bản đồ và thực địa;
- + Kết thúc kiểm tra lập phiếu.

Bước 3: Bàn giao kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Đăng ký Đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Bản vẽ trích đo địa chính (bản giấy + file số);
- Sổ đo chi tiết hoặc số liệu đo vẽ thực địa;
- Sổ đo lưới không chế, kết quả tính toán bình sai (nếu có);
- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất;
- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

** Số lượng hồ sơ: 03 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày đối với trường hợp kiểm tra nội nghiệp. Trường hợp phải kiểm tra ngoại nghiệp, thời gian thực hiện tối đa là 07 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: phiếu kiểm tra và ký xác nhận trên bản đồ.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Bản đồ địa chính;

- Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính.

33. Giải quyết khiếu nại lần đầu (lần 1). Mã số hồ sơ: T-BPC-280651- TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận đơn khiếu nại

- Người khiếu nại nộp đơn và các tài liệu liên quan (nếu có) trực tiếp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND tỉnh chuyên đến;

- Bộ phận nhận và Trả kết quả chuyên Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Giám đốc Sở ra Quyết định giao cán bộ thanh tra thụ lý tiến hành thẩm tra, xác minh vụ việc thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở và Chủ tịch UBND tỉnh. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

Bước 2: Thụ lý đơn

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được đơn thuộc thẩm quyền hoặc văn bản của UBND tỉnh. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho Tổ xác minh nội dung đơn khiếu nại;

Bước 3: Thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại. Nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau và xét thấy cần thiết thì tổ chức gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại hoặc tổ chức họp Hội đồng tư vấn với các ngành, chính quyền địa phương để thống nhất hướng giải quyết. Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 35 ngày làm việc.

Trong quá trình xem xét giải quyết khiếu nại lần 1, cơ quan giải quyết có các quyền sau:

+ Triệu tập người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

+ Yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình bằng văn bản về nội dung liên quan đến khiếu nại;

+ Yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và chứng cứ về nội dung khiếu nại;

+ Trưng cầu giám định (nếu cần thiết);

+ Tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh khác theo quy định của pháp luật;

Cá nhân, cơ quan, tổ chức khi nhận được yêu cầu nêu trên phải thực hiện đúng các yêu cầu đó.

Bước 4: Ra quyết định giải quyết khiếu nại.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản đối với vụ việc thuộc thẩm quyền; có báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh trong trường hợp được UBND tỉnh giao tiến hành thẩm tra, xác minh, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định giải quyết khiếu nại

bằng văn bản và gửi quyết định cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan. Thời gian thực hiện 05 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Gửi đơn trực tiếp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc qua đường Bưu điện.

Địa chỉ: Sở Tài nguyên và Môi trường, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước. Số điện thoại, Fax: 06513.879.110.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại (bản gốc), số điện thoại của người khiếu nại để liên lạc;

- Giấy ủy quyền khiếu nại (trong trường hợp người khiếu nại ủy quyền); giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện (CMND, thẻ luật sư, thẻ trợ giúp viên pháp lý,...);

- Các giấy tờ, bằng chứng, tài liệu liên quan (nếu có).

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định; Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): các Sở, ban, ngành, chính quyền địa phương có liên quan đến nội dung khiếu nại.

g- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn khiếu nại; Giấy ủy quyền khiếu nại.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Không khiếu nại các Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; Quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự; thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật Nhà nước

trong các lĩnh vực Quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định;

- Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại;

- Người khiếu nại phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; trong trường hợp người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì phải thông qua người đại diện hợp pháp để thực hiện việc khiếu nại;

- Đơn khiếu nại phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại (không nhận bản photô);

- Người khiếu nại phải làm đơn khiếu nại và gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Khiếu nại;

- Việc khiếu nại chưa có quyết định giải quyết lần hai;

- Người khiếu nại có quyền tiếp tục khiếu nại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại;

- Việc khiếu nại chưa được cơ quan Tòa án thụ lý để giải quyết.

D) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khiếu nại năm 2011;

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều của Luật Khiếu nại;

- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

- Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh ban hành quy trình về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày....thángnăm...

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi:.....-

Họ và tên:.....- ;

Địa chỉ :.....-

Khiếu nại.....-

Nội dung khiếu nại.....-

.....-

(Tài liệu, chứng cứ kèm theo – nếu có)

Người khiếu nại
(ký và ghi rõ họ tên)

- Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.
- Họ tên của người khiếu nại,
- Nếu là đại diện khiếu nại cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện.
- Nếu là người được ủy quyền khiếu nại thì ghi rõ theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.
- Khiếu nại lần đầu (hoặc lần hai) đối với quyết định, hành vi hành chính của ai?
- Nội dung khiếu nại
- Ghi tóm tắt sự việc dẫn đến khiếu nại;
- Yêu cầu (đề nghị) của người khiếu nại (nếu có);

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm...

GIẤY ỦY QUYỀN KHIẾU NẠI

Họ và tên người uỷ quyền:.....

Địa chỉ :.....

Số CMND.....Cấp ngày.....thángnăm.....nơi cấp:.....

Họ và tên người được uỷ quyền.....

Địa chỉ:.....

Số CMND.....Cấp ngày.....thángnăm.....nơi cấp:.....

Nội dung uỷ quyền:.....

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, người được uỷ quyền có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung uỷ quyền.

Xác nhận của UBND
xã, phường, thị trấn nơi
người uỷ quyền cư trú
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người uỷ quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

- Nếu người uỷ quyền là người đại diện cho cơ quan, tổ chức uỷ quyền cho người khác để khiếu nại thì phải ghi rõ chức vụ của người uỷ quyền.
- Nơi người uỷ quyền khiếu nại cư trú, trường hợp là cơ quan, tổ chức uỷ quyền thì phải ghi rõ địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

34. Giải quyết khiếu nại lần hai. Mã số hồ sơ: T-BPC-280652-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận đơn khiếu nại.

Tiếp nhận đơn khiếu nại do UBND tỉnh chuyển đến giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm tra, xác minh. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc;

Bước 2: Thu lý đơn khiếu nại.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được đơn thuộc thẩm quyền hoặc Quyết định giao việc của UBND tỉnh. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho Tổ xác minh nội dung đơn khiếu nại; trường hợp không thụ lý để giải quyết thì thông báo bằng văn bản cho UBND tỉnh, người khiếu nại và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thẩm tra, xác minh vụ việc khiếu nại; tổ chức gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại. Thời gian thực hiện 30 ngày làm việc; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 45 ngày làm việc.

Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm tra, xác minh lại nội dung khiếu nại.

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại; việc đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ.

Tham mưu UBND tỉnh Thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại.

Khi đối thoại, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình để UBND tỉnh xem xét giải quyết.

Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại.

Bước 4: Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh gửi UBND tỉnh và dự thảo Quyết định giải quyết đơn trình Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản. Thời gian thực hiện 05 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Gửi đơn trực tiếp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc qua đường Bưu điện.

Địa chỉ: Sở Tài nguyên và Môi trường, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước. Số điện thoại, Fax: 06513.879.110.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ gồm:*

- Quyết định giao thẩm tra, xác minh vụ việc của UBND tỉnh;
- Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại (bản chính), số điện thoại;
- Giấy uỷ quyền khiếu nại (trong trường hợp người khiếu nại uỷ quyền); giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện;
- Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và các tài liệu liên quan (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh Bình Phước;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp (nếu có): các Sở, ban, ngành, chính quyền địa phương có liên quan đến nội dung khiếu nại.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn khiếu nại (bản chính); Giấy uỷ quyền khiếu nại (bản sao có chứng thực).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Không khiếu nại các Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; Quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định;

- Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại;

- Người khiếu nại phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; trong trường hợp người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì phải thông qua người đại diện hợp pháp để thực hiện việc khiếu nại;

- Đơn khiếu nại phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại;

- Người khiếu nại phải làm đơn khiếu nại và gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Khiếu nại;

- Việc khiếu nại chưa có Quyết định giải quyết lần hai;

- Người khiếu nại có quyền tiếp tục khiếu nại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại;

- Việc khiếu nại chưa được cơ quan toà án thụ lý để giải quyết.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khiếu nại năm 2011;

- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều của Luật Khiếu nại;

- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

- Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh ban hành quy trình về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày....thángnăm...

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi:.....-

Họ và tên:.....- ;

Địa chỉ :.....

Khiếu nại.....-

Nội dung khiếu nại.....-

.....

(Tài liệu, chứng cứ kèm theo – nếu có)

Người khiếu nại

(ký và ghi rõ họ tên)

- Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.
- Họ tên của người khiếu nại,
- Nếu là đại diện khiếu nại cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện.
- Nếu là người được ủy quyền khiếu nại thì ghi rõ theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.
- Khiếu nại lần đầu (hoặc lần hai) đối với quyết định, hành vi hành chính của ai?
- Nội dung khiếu nại
- Ghi tóm tắt sự việc dẫn đến khiếu nại;
- Yêu cầu (đề nghị) của người khiếu nại (nếu có);



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm...

GIẤY ỦY QUYỀN KHIẾU NẠI

Họ và tên người uỷ quyền:.....-

Địa chỉ :.....-

Số CMND:.....Cấp ngày.....tháng.....năm.....nơi cấp:.....

Họ và tên người được uỷ quyền.....

Địa chỉ:.....

Số CMND:.....Cấp ngày.....tháng.....năm.....nơi cấp:.....

Nội dung uỷ quyền:.....

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, người được uỷ quyền có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung uỷ quyền.

Xác nhận của UBND
xã, phường, thị trấn nơi
người uỷ quyền cư trú
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người uỷ quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

- Nếu người uỷ quyền là người đại diện cho cơ quan, tổ chức uỷ quyền cho người khác để khiếu nại thì phải ghi rõ chức vụ của người uỷ quyền.
- Nơi người uỷ quyền khiếu nại cư trú, trường hợp là cơ quan, tổ chức uỷ quyền thì phải ghi rõ địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

35. Giải quyết tố cáo hành chính. Mã số hồ sơ: T-BPC-280653-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận đơn.

- Người tố cáo gửi đơn đến cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong đơn tố cáo phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo; nội dung tố cáo. Trong trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người có trách nhiệm tiếp nhận ghi lại nội dung tố cáo, họ tên, địa chỉ của người tố cáo, có chữ ký của người tố cáo, số điện thoại;

- Văn bản của UBND tỉnh giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh đơn tố cáo.

Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

Bước 2: Thụ lý để giải quyết.

Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tố cáo thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nhận được văn bản giao xác minh đơn tố cáo của UBND tỉnh, đơn tố cáo được thụ lý giải quyết.

Bước 3: Xác minh việc tố cáo.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra Quyết định về việc tiến hành xác minh nội dung tố cáo. Thời gian thực hiện 45 ngày làm việc; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 75 ngày làm việc.

Tổ xác minh có quyền và nghĩa vụ sau:

- Yêu cầu người tố cáo cung cấp bằng chứng, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;
- Yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo;
- Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;
- Trưng cầu giám định (nếu có), tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

Bước 4: Kết luận về nội dung tố cáo.

Tổ xác minh ban hành báo cáo kết quả xác minh gửi Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành kết luận về nội dung tố cáo, xác định trách nhiệm của người có hành vi vi phạm, áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với người vi phạm (trong đó bao gồm cả trường hợp người tố cáo sai). Thời gian thực hiện 10 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện: Gửi đơn trực tiếp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc qua đường Bưu điện.

Địa chỉ: Sở Tài nguyên và Môi trường, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Số điện thoại, Fax: 06513.879.110.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo (bản gốc);
- Các tài liệu, chứng cứ liên quan (nếu có).

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết tố cáo có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 90 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã và chính quyền địa phương có liên quan đến nội dung tố cáo.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết luận nội dung tố cáo; Thông báo kết quả giải quyết tố cáo; Quyết định xử lý tố cáo.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn tố cáo.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

** Theo quy định tại Điều 19, Luật Tố cáo năm 2011 quy định:*

- Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn tố cáo hoặc tố cáo trực tiếp.
- Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo; nội dung tố cáo. Đơn tố cáo phải do người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo bằng đơn thì trong đơn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của từng người tố cáo, có chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tố cáo; họ, tên người đại diện cho những người tố cáo để phối hợp khi có yêu cầu của người giải quyết tố cáo.
- Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc người tiếp nhận ghi lại việc tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp nhiều người đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện để trình bày nội dung tố cáo.

** Tại khoản 2, Điều 20 của Luật Tố cáo năm 2011 quy định:*

Người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết tố cáo trong các trường hợp sau đây:

a) Tố cáo về vụ việc đã được người đó giải quyết, mà người tố cáo không cung cấp thông tin, tình tiết mới;

b) Tố cáo về vụ việc mà nội dung và những thông tin người tố cáo cung cấp không có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật;

c) Tố cáo về vụ việc mà người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không đủ điều kiện để kiểm tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật, người vi phạm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tố cáo năm 2011;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2012;

- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP, ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

- Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh ban hành quy trình về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày....thángnăm...

ĐƠN TỐ CÁO

Kính gửi:

Tên tôi là:.....sinh năm 19...., CMND số..... do CA tỉnh
..... cấp ngày.../.../.....

Địa chỉ:....., số điện thoại.....

Tôi làm đơn này tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của:.....-

Nay tôi đề nghị:.....-

.....
.... Tôi xin cam đoan những nội dung tố cáo trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu cố tình tố cáo sai.

Người tố cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tên cơ quan tiếp nhận tố cáo.
- Họ tên, chức vụ và hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo.
- Người, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo xác minh, kết luận và xử lý người có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

36. Giải quyết tranh chấp đất đai. Mã số hồ sơ: T-BPC-280654-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận đơn tranh chấp.

- Cá nhân hoặc tổ chức tranh chấp đất đai gửi đơn và các tài liệu liên quan (nếu có) đến cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường. Bộ phận nhận và Trả kết quả chuyển Thanh tra Sở tham mưu Giám đốc Sở báo cáo UBND tỉnh về việc thụ lý đơn;

- Quyết định của UBND tỉnh giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm tra, xác minh vụ việc tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

Bước 2: Thụ lý đơn.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn thuộc thẩm quyền hoặc văn bản của UBND tỉnh. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho Tổ xác minh nội dung đơn tranh chấp đất đai.

Bước 3: Thẩm tra, xác minh nội dung tranh chấp đất đai. Nếu yêu cầu của cá nhân hoặc tổ chức có tranh chấp và kết quả xác minh nội dung tranh chấp đất đai còn khác nhau và xét thấy cần thiết thì tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các bên tranh chấp hoặc tổ chức họp Hội đồng tư vấn với các ngành, chính quyền địa phương để thống nhất hướng giải quyết. Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 35 ngày làm việc.

Trong quá trình xem xét giải quyết tranh chấp đất đai, cơ quan giải quyết có các quyền sau:

- Triệu tập nguyên đơn, bị đơn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Yêu cầu nguyên đơn, bị đơn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và chứng cứ về nội dung tranh chấp đất đai;
- Trưng cầu giám định (nếu cần thiết);
- Tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh khác theo quy định của pháp luật;

Cá nhân, cơ quan, tổ chức khi nhận được yêu cầu nêu trên phải thực hiện đúng các yêu cầu đó.

Bước 4: Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh trong trường hợp được UBND tỉnh giao tiến hành thẩm tra, xác minh; tham mưu dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai bằng văn bản và File điện tử. Thời gian thực hiện 05 ngày làm việc.

b) Cách thức thực hiện:

Gửi đơn trực tiếp tại Bộ phận nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc qua đường Bưu điện.

Địa chỉ: Sở Tài nguyên và Môi trường, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước. Số điện thoại, Fax: 06513.879.110.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn tranh chấp đất đai (bản gốc), số điện thoại của người làm đơn để liên lạc;

- Giấy ủy quyền (trong trường hợp các bên tranh chấp ủy quyền); giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện (CMND, thẻ luật sư, thẻ trợ giúp viên pháp lý,...);

- Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai không thành của UBND xã; phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp;

- Các giấy tờ, bằng chứng, tài liệu liên quan (nếu có).

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh Bình Phước;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): các Sở, ban, ngành, chính quyền địa phương có liên quan đến nội dung khiếu nại.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn tranh chấp đất đai; Giấy ủy quyền.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân tranh chấp phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến thửa đất tranh chấp.

- Người tranh chấp phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; trong trường hợp người tranh chấp không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì phải thông qua người đại diện hợp pháp để thực hiện việc tranh chấp đất đai.

(Mẫu đơn được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT và công khai trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Tổng cục Quản lý đất đai).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014.

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành;

l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014;

m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.

- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có (bản sao);

- Trích đo địa chính thửa đất (nếu có);

- Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý.

g) Lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04a/ĐK: Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Mẫu số 04b/ĐK: Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;

- Mẫu số 04c/ĐK: Danh sách các thửa đất nông nghiệp của cùng một người sử dụng, người được giao quản lý đất;

- Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980;

- Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm:

+ Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp;

+ Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập;

+ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp.

- Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có);

- Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép;

- Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận;

- Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó;

i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan;

k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của

TT 40. Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu. Mã số hồ sơ: T-BPC-280658-

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện);

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định;

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật thông tin thửa đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất (bản sao) như sau:

a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm:

**DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CỦA CÙNG MỘT NGƯỜI SỬ DỤNG, NGƯỜI
ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ**

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)
Xã huyện tỉnh

Số thứ tự	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú: Mẫu này sử dụng cho trường hợp người sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp có nhu cầu cấp chung 01 GCN và trường hợp người được nhà nước giao quản lý đất đăng ký nhiều thửa đất.

....., ngày tháng năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Sử dụng chung thửa đất ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất (đánh dấu vào ô trống lựa chọn)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ	Ghi chú	Ký tên
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp			
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Hướng dẫn:

- Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thửa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.
- Tên người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ghi đầy đủ theo giấy CMND, hộ chiếu, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư; hộ gia đình phải ghi tên hai vợ chồng người đại diện
- Các cột 4, 5, 6 và 7: Ghi thông tin về Giấy CMND hoặc Hộ chiếu (đối với hộ gia đình, cá nhân); Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư (đối với tổ chức);
- Trường hợp xác định được tỷ lệ (%) hoặc diện tích thuộc quyền sử dụng, sở hữu của từng người thì ghi tỷ lệ (%) hoặc diện tích của từng người vào cột "Ghi chú".

5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:
6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:
7. Nội dung khác:

Ngày tháng năm

Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....
.....
(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày tháng năm

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ "Hộ ông" (hoặc "Hộ bà"), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

<p>4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:</p> <p>a) Loại cây chủ yếu:</p> <p>b) Diện tích: m²;</p> <p>c) Nguồn gốc tạo lập:</p> <p>- Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nguồn vốn trồng, nhận quyền:..... <input type="checkbox"/></p> <p>d) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>đ) Thời hạn sở hữu đến:</p>	<p>4.- Cây lâu năm:</p> <p>a) Loại cây chủ yếu:</p> <p>b) Diện tích:m²;</p> <p>c) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>d) Thời hạn sở hữu đến:</p>
<p>5. Những giấy tờ nộp kèm theo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:</p> <p>Đề nghị khác:</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, công đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:

- Nguồn gốc sử dụng đất:

- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:.....

4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04a/ĐK

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào số tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ
Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	(Đánh dấu \surd vào ô trống lựa chọn)
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

- Mẫu số 04a/ĐK: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Mẫu số 04b/ĐK: Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;

- Mẫu số 04c/ĐK: Danh sách các thửa đất nông nghiệp của cùng một người sử dụng, người được giao quản lý đất;

(Mẫu đơn được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT và công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Tổng cục Quản lý đất đai).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

39. Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý. Mã số hồ sơ: T-BPC-280657-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người được Nhà nước giao quản lý đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện);

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai giải quyết theo quy định;

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai giải quyết theo quy định thực hiện việc cập nhật thông tin thửa đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).

b) Cách thức thực hiện:

Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất để quản lý (nếu có);

- Trích đo địa chính thửa đất, khu đất được giao quản lý (nếu có).

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cộng đồng dân cư được Nhà nước giao đất để quản lý.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để nhà nước quản lý.

g) Lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

cấp:.....
.....
.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 04 ngày.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND cấp xã.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí: Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK;

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND cấp tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

38. Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép. Mã số hồ sơ: T-BPC-280656-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện);

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai giải quyết theo quy định;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định thì thực hiện các công việc sau đây:

- Gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

- Xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận QSD đất thì lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất;

- Chính lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện:

Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Mảnh trích đo địa chính thửa đất;
- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

h) Phí, lệ phí: Theo Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của UBND tỉnh Bình Phước.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất theo mẫu.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, có hiệu lực ngày 01/7/2014;
 - Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;
 - Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của UBND tỉnh Bình Phước;
 - Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
-

37. Trích đo địa chính thửa đất. Mã số hồ sơ : T-BPC-280655-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện);

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nơi có đất để xử lý theo quy định;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nơi có đất căn cứ hồ sơ có liên quan và nội dung của Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất bố trí cán bộ xuống đo đạc kiểm tra thực tế theo lịch (nếu cần), thiết lập một bộ hồ sơ địa chính theo quy định và xác định số tiền phí đo đạc mà người sử dụng đất phải nộp, chuyển kết quả về cơ quan tiếp nhận và trả kết quả để trả hồ sơ cho người dân;

Bước 4: Người sử dụng đất đến nộp tiền và nhận hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện:

Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất theo mẫu (01 bản);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một trong các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013 (nếu có) 01 bản;

- CMND + HKTT của các bên có liên quan (người sử dụng đất, bên chuyển, bên nhận) 01 bản photô.

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc đối với hồ sơ không phải đi kiểm tra thực địa; 15 ngày làm việc đối với hồ sơ phải đi kiểm tra thực địa. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 09 ngày làm việc đối với hồ sơ không phải đi kiểm tra thực địa; 12 ngày làm việc đối với hồ sơ phải đi kiểm tra thực địa.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày....thángnăm...

Giấy uỷ quyền

Họ và tên người uỷ quyền:.....

Địa chỉ :.....

Số CMND:.....Cấp ngày.....tháng.....năm..... nơi cấp:

Họ và tên người được uỷ quyền.....

Địa chỉ:.....

Số CMND:.....Cấp ngày.....tháng.....năm..... nơi cấp:

Nội dung uỷ quyền:.....

Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, người được uỷ quyền có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung uỷ quyền.

Xác nhận của UBND
xã, phường, thị trấn nơi
người uỷ quyền cư trú
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người uỷ quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)



- Nếu người uỷ quyền là người đại diện cho cơ quan, tổ chức uỷ quyền cho người khác để tranh chấp thì phải ghi rõ chức vụ của người uỷ quyền.
- Nơi người uỷ quyền tranh chấp cư trú, trường hợp là cơ quan, tổ chức uỷ quyền thì phải ghi rõ địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm...

ĐƠN TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Kính gửi:.....-

Họ và tên:.....- ;

Địa chỉ :.....

Nội dung tranh chấp đất đai.....

.....-

(Tài liệu, chứng cứ kèm theo – nếu có)

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

- Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.
- Họ tên của cá nhân hoặc tổ chức tranh chấp,
- Nếu là đại diện tranh chấp cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện.
- Nếu là người được ủy quyền tranh chấp thì ghi rõ theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.
- Nội dung tranh chấp
- Ghi tóm tắt sự việc dẫn đến tranh chấp đất đai;
- Yêu cầu (đề nghị) của tổ chức, cá nhân tranh chấp (nếu có);

- Đơn tranh chấp đất đai phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tranh chấp (không nhận bản phô tô).

4. Tổ chức, cá nhân tranh chấp đất đai phải làm đơn gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

5. Việc tranh chấp đất đai chưa được cơ quan toà án thụ lý để giải quyết.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

- Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh ban hành quy trình về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó.

b) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau:

- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Một trong các giấy tờ của bên chuyển quyền.

*** Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng:**

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy phép xây dựng công trình đối với trường hợp phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp công trình đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Giấy tờ về sở hữu công trình xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ, trừ trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng;

- Giấy tờ mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

- Giấy tờ của Tòa án nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu công trình xây dựng đã có hiệu lực pháp luật;

- Giấy phép xây dựng nhà ở đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05 tháng 7 năm 1994;

- Giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết;

- Giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991;

- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp nhà ở do mua của doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán thì phải có hợp đồng mua bán nhà ở do hai bên ký kết;

- Bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ quy định mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 có chữ ký của các bên có liên quan và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ theo quy định mà hiện trạng nhà ở không phù hợp với giấy tờ đó thì phần nhà ở không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về nhà ở không thuộc trường hợp

ký;

- Gửi phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước đối với loại tài sản đăng ký đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ theo quy định.

Cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc.

- Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có);

- Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (trừ trường hợp không thuộc đối tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật);

- Hoàn thiện hồ sơ chuyển phòng Tài nguyên và Môi trường giải quyết theo quy định.

Bước 4: Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận.

Bước 5: Người nộp hồ sơ thực hiện các nghĩa vụ tài chính và nộp lại bản chính giấy tờ theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Trích đo địa chính thửa đất (nếu có).

- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế, lệ phí trước bạ), bản cam kết về hạn mức đất ở (nếu có).

Ngoài các hồ sơ nêu trên, người sử dụng đất còn phải nộp các hồ sơ có liên quan đến việc cấp GCN theo nhu cầu cấp GCN, cụ thể:

* **Chứng nhận quyền sử dụng đất:**

Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK.

* **Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà ở:**

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

a) Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau:

42. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu. Mã số hồ sơ: T-BPC-280660-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị cấp giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

- Trường hợp nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện:

Trường hợp có đề nghị chứng nhận tài sản gắn liền với đất: Kiểm tra hồ sơ; xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản theo quy định; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ; gửi hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Trường hợp nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thì cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thực hiện việc gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có đề nghị chứng nhận tài sản gắn liền với đất (xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản theo quy định; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ);

- Việc xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của UBND cấp xã đối với trường hợp không có giấy tờ hợp lệ phải dựa trên cơ sở tổ chức lấy ý kiến khu dân cư. Việc lấy ý kiến khu dân cư phải được lập thành văn bản theo mẫu số 05/ĐK (đối với tất cả các loại đất).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để xử lý theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận vào đơn đăng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA KHU DÂN CƯ
Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... khu dân cư

(ghi tên thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố; tên xã, phường, thị trấn; tên quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) đã họp để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số ... tờ bản đồ số tại địa chỉ (ghi tên địa danh nơi có đất) của (ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất cần xác định).

Thành phần cuộc họp gồm có:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (Bà). Trưởng (hoặc Phó) thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố;
- Ông (Bà) Đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Ông (Bà); và người (có tên dưới đây) đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện nay của thửa đất nói trên.

Cuộc họp đã thống nhất xác định:

- Nguồn gốc sử dụng thửa đất:
 (ghi cụ thể: tự khai phá, bao chiếm hoặc nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, ... từ người sử dụng đất nào, vào thời gian nào)
- Thời điểm bắt đầu sử dụng vào mục đích đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận từ ngày ... tháng năm
- Tình trạng tranh chấp đất đai:

(ghi rõ không tranh chấp hay đang tranh chấp sử dụng đất với người sử dụng đất nào)

Những người tham gia cuộc họp cùng thống nhất ký tên dưới đây:

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Ký tên
1			
2			
3			
...			

Ngày tháng năm
Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

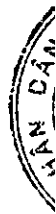
Chủ trì cuộc họp
 (Ký, ghi rõ họ tên và chức danh của người chủ trì cuộc họp)

DANH SÁCH TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN CÙNG MỘT THỬA ĐẤT
 (Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)
 Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Tên tài sản gắn liền với đất	Diện tích xây dựng hoặc diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất công trình	Hình thức sở hữu (chung, riêng)	Đặc điểm của tài sản (số tầng, cấp (hạng), kết cấu đối với nhà ở, công trình xây dựng; loại cây chủ yếu đối với rừng sản xuất và cây lâu năm)	Thời hạn sở hữu
-	-	-	-	(5)	(6)

Người kê khai
 (Ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)



**DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CỦA CÙNG MỘT NGƯỜI SỬ DỤNG, NGƯỜI
ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ**

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Xã huyện tỉnh

Số thứ tự	Thừa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thừa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú: Mẫu này sử dụng cho trường hợp người sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp có nhu cầu cấp chung 01 GCN và trường hợp người được nhà nước giao quản lý đất đăng ký nhiều thửa đất.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

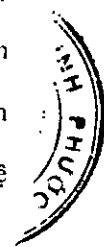
Sử dụng chung thửa đất ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất (đánh dấu vào ô trống lựa chọn)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ	Ghi chú	Ký tên
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp			
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Hướng dẫn:

- Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thửa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.
- Tên người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ghi đầy đủ theo giấy CMND, hộ chiếu, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư; hộ gia đình phải ghi tên hai vợ chồng người đại diện
- Các cột 4, 5, 6 và 7: Ghi thông tin về Giấy CMND hoặc Hộ chiếu (đối với hộ gia đình, cá nhân); Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư (đối với tổ chức);
- Trường hợp xác định được tỷ lệ (%) hoặc diện tích thuộc quyền sử dụng, sở hữu của từng người thì ghi tỷ lệ (%) hoặc diện tích của từng người vào cột "Ghi chú".



Ngày tháng năm Công chức địa chính <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
<p><i>(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)</i></p>	
III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
<p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)</i></p>	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

<p>4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:</p> <p>a) Loại cây chủ yếu:</p> <p>b) Diện tích: m²;</p> <p>c) Nguồn gốc tạo lập:</p> <p>- Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nguồn vốn trồng, nhận quyền:..... <input type="checkbox"/></p> <p>d) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>đ) Thời hạn sở hữu đến:</p>	<p>4.- Cây lâu năm:</p> <p>a) Loại cây chủ yếu:;</p> <p>b) Diện tích:m²;</p> <p>c) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>d) Thời hạn sở hữu đến:</p>
<p>5. Những giấy tờ nộp kèm theo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:</p> <p>Đề nghị khác:</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm.....
Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:

- Nguồn gốc sử dụng đất:

- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:.....

4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:

5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:

6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:

7. Nội dung khác:

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ
Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào số tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

.....

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	(Đánh dấu ✓ vào ô trống lựa chọn)
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp, cơ quan thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 25.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn);
- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04a/ĐK: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Mẫu số 04b/ĐK: Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;
- Mẫu số 04c/ĐK: Danh sách các thửa đất nông nghiệp của cùng một người sử dụng, người được giao quản lý đất;
- Mẫu số 04d/ĐK: Danh sách tài sản gắn liền với đất trên cùng một thửa đất;
- Mẫu số 05/ĐK: Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất;

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thì vốn để trồng rừng, tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng rừng hoặc tiền nộp cho Nhà nước khi được giao rừng có thu tiền không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

b) Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

c) Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật;

d) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm nêu trên đây thì phải được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;

- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có (bản sao đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính đối với trường hợp có 2 bản chính).

- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính (Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế, lệ phí trước bạ), bản cam kết về hạn mức đất ở (nếu có).

- Trích đo địa chính thửa đất (nếu có).

- Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;

- Ủy ban nhân dân cấp xã: 20 ngày (trong đó có 15 ngày niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ);

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;

- Cơ quan Thuế: 05 ngày;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: 03 ngày.

Trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì thời gian nêu trên được tăng thêm 05 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc ngày người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

e) Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

Trường hợp công trình hoàn thành xây dựng từ ngày 01/7/2004 thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về công trình xây dựng không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; trường hợp công trình thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại công trình đó.

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đối với trường hợp chứng nhận tài sản rừng sản xuất là rừng trồng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng sản xuất;

a) Giấy tờ về giao rừng sản xuất là rừng trồng;

b) Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với rừng sản xuất là rừng trồng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật;

c) Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đã có hiệu lực pháp luật;

d) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu rừng mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

a) Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng cây lâu năm phù hợp với mục đích sử dụng đất ghi trên giấy tờ đó;

phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó.

b) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau:

- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Một trong các giấy tờ của bên chuyên quyền.

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp tài sản là công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã có chứng nhận hoặc chứng hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

a) Giấy phép xây dựng công trình đối với trường hợp phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp công trình đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

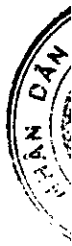
b) Giấy tờ về sở hữu công trình xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ, trừ trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng;

c) Giấy tờ mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

d) Giấy tờ của Toà án nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu công trình xây dựng đã có hiệu lực pháp luật;

đ) Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng có một trong những giấy tờ quy định tại các Điểm a, b, c và d. Khoản này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có chữ ký của các bên có liên quan và được Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận; trường hợp mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng đó.

Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình mà hiện trạng công trình không phù hợp với giấy tờ đó hoặc thì phần công trình không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường



mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991;

- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp nhà ở do mua của doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán thì phải có hợp đồng mua bán nhà ở do hai bên ký kết;

- Bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ quy định mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 có chữ ký của các bên có liên quan và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ theo quy định mà hiện trạng nhà ở không phù hợp với giấy tờ đó thì phân nhà ở không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin

quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó;

i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan;

k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành;

l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014;

m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tài sản là nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

a) Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy phép xây dựng nhà ở đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05 tháng 7 năm 1994;

- Giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết;

- Giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm:

- Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980;

- Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm:

 - + Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp;

 - + Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập;

 - + Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp.

- Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có);

- Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép;

- Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận;

- Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận vào đơn đăng ký;

- Gửi phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước đối với loại tài sản đăng ký đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ theo quy định.

Cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc.

- Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có);

- Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (trừ trường hợp không thuộc đối tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật);

- Hoàn tất hồ sơ chuyển phòng Tài nguyên và Môi trường giải quyết theo quy định.

Bước 4: Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận;

Bước 5: Người nộp hồ sơ thực hiện các nghĩa vụ tài chính và nộp lại bản chính giấy tờ theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất (bản sao một trong các giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

41. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu. Mã số hồ sơ: T-BPC-280659-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

- Trường hợp hồ sơ được nộp tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì UBND cấp xã tổ chức kiểm tra hồ sơ; xác nhận hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất, sự phù hợp với quy hoạch đối với trường hợp không có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản theo quy định; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ;

Niên yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai;

- Trường hợp nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thì cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất, sự phù hợp với quy hoạch đối với trường hợp không có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ và tổ chức niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai;

- Việc xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của UBND cấp xã đối với trường hợp không có giấy tờ hợp lệ phải dựa trên cơ sở tổ chức lấy ý kiến khu dân cư. Việc lấy ý kiến khu dân cư phải được lập thành văn bản theo mẫu số 05/ĐK (đối với tất cả các loại đất).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để xử lý theo quy định;

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CỦA CÙNG MỘT NGƯỜI SỬ DỤNG, NGƯỜI ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Xã huyện tỉnh

Số thửa tự	Thừa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú: Mẫu này sử dụng cho trường hợp người sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp có nhu cầu cấp chung 01 GCN và trường hợp người được nhà nước giao quản lý đất đăng ký nhiều thửa đất.

....., ngày tháng năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Sử dụng chung thửa đất ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất (đánh dấu vào ô trống lựa chọn)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ	Ghi chú	Ký tên
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp			
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Hướng dẫn:

- Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thửa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.
- Tên người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ghi đầy đủ theo giấy CMND, hộ chiếu, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư; hộ gia đình phải ghi tên hai vợ chồng người đại diện
- Các cột 4, 5, 6 và 7: Ghi thông tin về Giấy CMND hoặc Hộ chiếu (đối với hộ gia đình, cá nhân); Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư (đối với tổ chức);
- Trường hợp xác định được tỷ lệ (%) hoặc diện tích thuộc quyền sử dụng, sở hữu của từng người thì ghi tỷ lệ (%) hoặc diện tích của từng người vào cột "Ghi chú".

Ngày tháng năm

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....
.....
(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày tháng năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:	4.- Cây lâu năm:
a) Loại cây chủ yếu:	a) Loại cây chủ yếu:
b) Diện tích: m ² ;	b) Diện tích:m ² ;
c) Nguồn gốc tạo lập:	c) Sở hữu chung:m ² ,
- Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/>	Sở hữu riêng:m ² ;
- Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/>	d) Thời hạn sở hữu đến:
- Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/>	
- Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/>	
- Nguồn vốn trồng, nhận quyền:..... <input type="checkbox"/>	
d) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ;	
đ) Thời hạn sở hữu đến:	

5. Những giấy tờ nộp kèm theo:

.....

.....

6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:

Đề nghị khác:

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:

- Nguồn gốc sử dụng đất:

- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:.....

4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:

5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:

6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:

7. Nội dung khác:

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ
Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

PHẢN GIỚI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẢN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	(Đánh dấu <input checked="" type="checkbox"/> vào ô trống lựa chọn)
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và

- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng có một trong những giấy tờ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có chữ ký của các bên có liên quan và được Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận; trường hợp mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng đó.

Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình mà hiện trạng công trình không phù hợp với giấy tờ đó hoặc thì phần công trình không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

Trường hợp công trình hoàn thành xây dựng từ ngày 01/7/2004 thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về công trình xây dựng không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; trường hợp công trình thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại công trình đó.

*** Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất rừng sản xuất là rừng trồng:**

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng sản xuất;

- Giấy tờ về giao rừng sản xuất là rừng trồng;

- Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với rừng sản xuất là rừng trồng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật;

- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu rừng mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;

*** Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là cây lâu năm:**

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng cây lâu năm phù hợp với mục đích sử dụng đất ghi trên giấy tờ đó;

- Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm nêu trên đây thì phải được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;

- Ủy ban nhân dân cấp xã: 05 ngày;

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;

- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện: 03 ngày.

Trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì thời gian nêu trên được tăng thêm 05 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc ngày người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp, cơ quan thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận QSD đất.

g) Lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận QSD đất: 25.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn);
- + Lệ phí đăng ký biến động: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

- Mẫu số 04a/ĐK: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Mẫu số 04b/ĐK: Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;
- Mẫu số 04d/ĐK: Danh sách tài sản gắn liền với đất trên cùng một thửa đất;
- Mẫu số 05/ĐK: Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất;

(Mẫu đơn được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT và công khai trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tổng cục Quản lý đất đai).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:



Đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thì vốn để trồng rừng, tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng rừng hoặc tiền nộp cho Nhà nước khi được giao rừng có thu tiền không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ
Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:

- Đăng ký QSDĐ Đăng ký quyền quản lý đất
- Cấp GCN đối với đất Cấp GCN đối với tài sản trên đất

(Đánh dấu \surd vào ô trống lựa chọn)

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

d) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và

tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

<p>4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:</p> <p>a) Loại cây chủ yếu:</p> <p>b) Diện tích: m²;</p> <p>c) Nguồn gốc tạo lập:</p> <p>- Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nguồn vốn trồng, nhận quyền:..... <input type="checkbox"/></p> <p>d) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>đ) Thời hạn sở hữu đến:</p>	<p>4.- Cây lâu năm:</p> <p>a) Loại cây chủ yếu:;</p> <p>b) Diện tích:m²;</p> <p>c) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>d) Thời hạn sở hữu đến:</p>
<p>5. Những giấy tờ nộp kèm theo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:</p> <p>Đề nghị khác:</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:
- Nguồn gốc sử dụng đất:
- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:.....
- 4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:
- 5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:
- 6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:
- 7. Nội dung khác:

Ngày tháng năm

Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày tháng năm

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ "Hộ ông" (hoặc "Hộ bà"), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Sử dụng chung thửa đất ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất (đánh dấu vào ô trống lựa chọn)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ	Ghi chú	Ký tên
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp			
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Hướng dẫn:

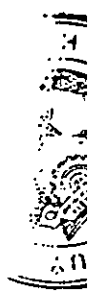
- Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thửa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.
- Tên người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ghi đầy đủ theo giấy CMND, hộ chiếu, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư; hộ gia đình phải ghi tên hai vợ chồng người đại diện
- Các cột 4, 5, 6 và 7: Ghi thông tin về Giấy CMND hoặc Hộ chiếu (đối với hộ gia đình, cá nhân); Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư (đối với tổ chức);
- Trường hợp xác định được tỷ lệ (%) hoặc diện tích thuộc quyền sử dụng, sở hữu của từng người thì ghi tỷ lệ (%) hoặc diện tích của từng người vào cột "Ghi chú".

DANH SÁCH TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN CÙNG MỘT THỪA ĐẤT
 (Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)
 Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Tên tài sản gắn liền với đất	Diện tích xây dựng hoặc diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất công trình	Hình thức sở hữu (chung, riêng)	Đặc điểm của tài sản (số tầng, cấp (hạng), kết cấu đối với nhà ở, công trình xây dựng; loại cây chủ yếu đối với rừng sản xuất và cây lâu năm)	Thời hạn sở hữu
-	-	-	-	(5)	(6)

Người kê khai
 (Ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU LÁY Ý KIẾN CỦA KHU DÂN CƯ
Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... khu dân cư

.....
(ghi tên thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố; tên xã, phường, thị trấn; tên quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) đã họp để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số ... tờ bản đồ số tại địa chỉ (ghi tên địa danh nơi có đất) của (ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất cần xác định).

Thành phần cuộc họp gồm có:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (Bà) Trưởng (hoặc Phó) thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố;
- Ông (Bà) Đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Ông (Bà); và người (có tên dưới đây) đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện nay của thửa đất nói trên.

Cuộc họp đã thống nhất xác định:

- Nguồn gốc sử dụng thửa đất:
- (ghi cụ thể: tự khai phá, bao chiếm hoặc nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, ... từ người sử dụng đất nào, vào thời gian nào)
- Thời điểm bắt đầu sử dụng vào mục đích đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận từ ngày ... tháng năm
- Tình trạng tranh chấp đất đai:

.....
(ghi rõ không tranh chấp hay đang tranh chấp sử dụng đất với người sử dụng đất nào)

Những người tham gia cuộc họp cùng thống nhất ký tên dưới đây:

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Ký tên
1			
2			
3			
...			

Ngày tháng năm
Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chủ trì cuộc họp
(Ký, ghi rõ họ tên và chức danh của người chủ trì cuộc họp)

43. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280679-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

- Trường hợp hồ sơ được nộp tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì UBND cấp xã tổ chức kiểm tra hồ sơ; xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản theo quy định; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ;

- Trường hợp nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thì cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản theo quy định; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ.

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để xử lý theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 05 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Gửi phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước đối với loại tài sản đăng ký đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ theo quy định.

Cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc.

- Cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có);

- Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu



nghĩa vụ tài chính (trừ trường hợp không thuộc đối tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật);

- Hoàn thiện hồ sơ chuyển phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định;

Bước 4: Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận.

Bước 5: Người nộp hồ sơ thực hiện các nghĩa vụ tài chính và nộp lại bản chính giấy tờ theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK;

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tài sản là nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

a) Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy phép xây dựng nhà ở đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05 tháng 7 năm 1994;

- Giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết;

- Giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991;

- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp nhà ở do mua của doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán thì phải có hợp đồng mua bán nhà ở do hai bên ký kết;

- Bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ quy định mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 có chữ ký của các bên có liên quan và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ theo quy định mà hiện trạng nhà ở không phù hợp với giấy tờ đó thì phần nhà ở không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó.

b) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau:

- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Một trong các giấy tờ của bên chuyên quyền.

- Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp chúng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy phép xây dựng công trình đối với trường hợp phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp công trình đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Giấy tờ về sở hữu công trình xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ, trừ trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng;

- Giấy tờ mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

- Giấy tờ của Tòa án nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu công trình xây dựng đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng có một trong những giấy tờ quy định tại các Điều a, b, c và d Khoản này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có chữ ký của các bên có liên quan và được Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận; trường hợp mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng đó.

Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình mà hiện trạng công trình không phù hợp với giấy tờ đó hoặc thì phần công trình không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

Trường hợp công trình hoàn thành xây dựng từ ngày 01/7/2004 thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về công trình xây dựng không

thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; trường hợp công trình thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại công trình đó.

4. Một trong các giấy tờ sau đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng sản xuất;

- Giấy tờ về giao rừng sản xuất là rừng trồng;

- Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với rừng sản xuất là rừng trồng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật;

- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu rừng mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

5. Một trong các giấy tờ sau đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng cây lâu năm phù hợp với mục đích sử dụng đất ghi trên giấy tờ đó;

- Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm nêu trên đây thì phải được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

6. Trường hợp chủ sở hữu nhà ở không đồng thời là người sử dụng đất ở thì ngoài giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, phải có hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng, tạo lập tài sản được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính: thuế, lệ phí trước bạ (nếu có).

8. Trích đo địa chính thửa đất (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Ủy ban nhân dân cấp xã: 05 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện: 03 ngày.

Trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì thời gian nêu trên được tăng thêm 05 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc ngày người dân đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp, cơ quan thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận QSD đất.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 25.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn);

- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04a/ĐK: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Mẫu số 04b/ĐK: Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;

- Mẫu số 04d/ĐK: Danh sách tài sản gắn liền với đất trên cùng một thửa đất;

(Mẫu đơn được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thì vốn để trồng rừng, tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng rừng hoặc tiền nộp cho Nhà nước khi được giao rừng có thu tiền không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/11/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04a/ĐK

PHẢN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	(Đánh dấu <input checked="" type="checkbox"/> vào ô trống lựa chọn)
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình)

<i>kèm theo đơn)</i>	
4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:	4.- Cây lâu năm:
a) Loại cây chủ yếu: b) Diện tích: m ² ; c) Nguồn gốc tạo lập: - Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/> - Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/> - Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/> - Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/> - Nguồn vốn trồng, nhận quyền:..... <input type="checkbox"/> d) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ; đ) Thời hạn sở hữu đến:	a) Loại cây chủ yếu:; b) Diện tích:m ² ; c) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ; d) Thời hạn sở hữu đến:
5. Những giấy tờ nộp kèm theo:	
6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính: Đề nghị khác:	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵ <i>(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)</i>
- Nội dung kê khai so với hiện trạng: - Nguồn gốc sử dụng đất: - Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:..... 4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất: 5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: 6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: 7. Nội dung khác:
Ngày tháng năm
Ngày tháng năm

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....
.....
(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày tháng năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo.
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)
 Sử dụng chung thửa đất ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất (đánh dấu vào ô trống lựa chọn)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ	Ghi chú	Ký tên
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp			
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Hướng dẫn:

- Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thửa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.
- Tên người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ghi đầy đủ theo giấy CMND, hộ chiếu, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư; hộ gia đình phải ghi tên hai vợ chồng người đại diện
- Các cột 4, 5, 6 và 7: Ghi thông tin về Giấy CMND hoặc Hộ chiếu (đối với hộ gia đình, cá nhân); Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư (đối với tổ chức);
- Trường hợp xác định được tỷ lệ (%) hoặc diện tích thuộc quyền sử dụng, sở hữu của từng người thì ghi tỷ lệ (%) hoặc diện tích của từng người vào cột "Ghi chú".

DANH SÁCH TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN CÙNG MỘT THỪA ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Tên tài sản gắn liền với đất	Diện tích xây dựng hoặc diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích sản (m ²) hoặc công suất công trình	Hình thức sở hữu (chung, riêng)	Đặc điểm của tài sản (số tầng, cấp (hạng), kết cấu đối với nhà ở, công trình xây dựng; loại cây chủ yếu đối với rừng sản xuất và cây lâu năm)	Thời hạn sở hữu
-	-	-	-	(5)	(6)

Người kê khai

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)

44. Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận. Mã số hồ sơ: T-BPC-280680-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị cấp giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

- Trường hợp hồ sơ được nộp tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì UBND cấp xã tổ chức kiểm tra hồ sơ; xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản theo quy định; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ;

- Trường hợp nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thì cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản theo quy định; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ;

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để xử lý theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Gửi phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước đối với loại tài sản đăng ký đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ theo quy định.

Cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc.

- Cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có);

- Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (trừ trường hợp không thuộc đối tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật);

- Hoàn thiện hồ sơ chuyển phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận;

- Người nộp hồ sơ thực hiện các nghĩa vụ tài chính và nộp lại bản chính giấy tờ theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Trích đo địa chính thửa đất (nếu có).

- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính: thuế, lệ phí trước bạ (nếu có).

Ngoài các hồ sơ nêu trên, người sử dụng đất còn phải nộp các hồ sơ có liên quan đến việc cấp GCN theo nhu cầu cấp GCN, cụ thể:

* **Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà ở:**

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong các giấy tờ sau đối với trường hợp chứng nhận tài sản là nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

a) Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy phép xây dựng nhà ở đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05 tháng 7 năm 1994;

- Giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết;

- Giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày

01 tháng 7 năm 1991, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991;

- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp nhà ở do mua của doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán thì phải có hợp đồng mua bán nhà ở do hai bên ký kết;

- Bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ quy định mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 có chữ ký của các bên có liên quan và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ theo quy định mà hiện trạng nhà ở không phù hợp với giấy tờ đó thì phần nhà ở không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó.

b) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau:

- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Một trong các giấy tờ của bên chuyển quyền.

- Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng, tạo lập tài sản được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu nhà ở không đồng thời là người sử dụng đất ở.

*** Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng:**

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong giấy tờ sau đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy phép xây dựng công trình đối với trường hợp phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp công trình đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Giấy tờ về sở hữu công trình xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ, trừ trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng;

- Giấy tờ mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

- Giấy tờ của Toà án nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu công trình xây dựng đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng có một trong những giấy tờ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có chữ ký của các bên có liên quan và được Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận; trường hợp mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng đó.

Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình có một

trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình mà hiện trạng công trình không phù hợp với giấy tờ đó hoặc thì phần công trình không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

Trường hợp công trình hoàn thành xây dựng từ ngày 01/7/2004 thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về công trình xây dựng không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; trường hợp công trình thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại công trình đó.

- Văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu công trình xây dựng không đồng thời là người sử dụng đất.

*** Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là rừng sản xuất là rừng trồng:**

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong giấy tờ sau đây đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng sản xuất;

- Giấy tờ về giao rừng sản xuất là rừng trồng;

- Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với rừng sản xuất là rừng trồng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật;

- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu rừng mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Văn bản thoả thuận của người sử dụng đất cho phép sử dụng đất để trồng rừng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng không đồng thời là người sử dụng đất.

*** Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là cây lâu năm:**

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Một trong giấy tờ sau đây đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng cây lâu năm phù hợp với mục đích sử dụng đất ghi trên giấy tờ đó;

- Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm nêu trên đây thì phải được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Văn bản thoả thuận của người sử dụng đất cho phép sử dụng đất để trồng cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu cây lâu năm không đồng thời là người sử dụng đất.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của

người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Ủy ban nhân dân cấp xã: 05 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện: 03 ngày.

Trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì thời gian nêu trên được tăng thêm 05 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp, cơ quan thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).
- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04a/ĐK: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Mẫu số 04b/ĐK: Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;
- Mẫu số 04d/ĐK: Danh sách tài sản gắn liền với đất trên cùng một thửa đất;

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thì vốn để trồng rừng, tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng rừng hoặc tiền nộp cho Nhà nước khi được giao rừng có thu tiền không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04a/ĐK

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào số tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ
Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	(Đánh dấu <input checked="" type="checkbox"/> vào ô trống lựa chọn)
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:



(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

<p>4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:</p> <p>a) Loại cây chủ yếu:</p> <p>b) Diện tích: m²;</p> <p>c) Nguồn gốc tạo lập:</p> <p>- Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/></p> <p>- Nguồn vốn trồng, nhận quyền:..... <input type="checkbox"/></p> <p>d) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>đ) Thời hạn sở hữu đến:</p>	<p>4.- Cây lâu năm:</p> <p>a) Loại cây chủ yếu:;</p> <p>b) Diện tích:m²;</p> <p>c) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;</p> <p>d) Thời hạn sở hữu đến:</p>
<p>5. Những giấy tờ nộp kèm theo:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:</p> <p>Đề nghị khác:</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:
- Nguồn gốc sử dụng đất:
- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:.....
- 4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:
- 5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:
- 6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:
- 7. Nội dung khác:

Ngày tháng năm
Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....
.....
(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày tháng năm
- Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ "Hộ ông" (hoặc "Hộ bà"), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tô chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỪA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Sử dụng chung thừa đất ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất (đánh dấu vào ô trống lựa chọn)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ	Ghi chú	Ký tên
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp			
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Hướng dẫn:

- Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thừa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.
- Tên người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ghi đầy đủ theo giấy CMND, hộ chiếu, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư; hộ gia đình phải ghi tên hai vợ chồng người đại diện
- Các cột 4, 5, 6 và 7: Ghi thông tin về Giấy CMND hoặc Hộ chiếu (đối với hộ gia đình, cá nhân); Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư (đối với tổ chức);
- Trường hợp xác định được tỷ lệ (%) hoặc diện tích thuộc quyền sử dụng, sở hữu của từng người thì ghi tỷ lệ (%) hoặc diện tích của từng người vào cột "Ghi chú".

DANH SÁCH TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT TRÊN CÙNG MỘT THỪA ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Tên tài sản gắn liền với đất	Diện tích xây dựng hoặc diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất công trình	Hình thức sở hữu (chung, riêng)	Đặc điểm của tài sản (số tầng, cấp (hạng), kết cấu đối với nhà ở, công trình xây dựng; loại cây chủ yếu đối với rừng sản xuất và cây lâu năm)	Thời hạn sở hữu
-	-	-	-	(5)	(6)

Người kê khai
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)

45. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở. Mã số hồ sơ: T-BPC-280681-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ thay cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng hoặc cung cấp hồ sơ cho bên mua để nộp hồ sơ tại Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai giải quyết theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra các giấy tờ pháp lý trong hồ sơ; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký;

- Cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).

- Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (trừ trường hợp không thuộc đối tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật).

- Hoàn thiện hồ sơ chuyển Văn phòng Đăng ký đất đai thẩm định theo quy định.

Bước 4: Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc thẩm định hồ sơ và trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận;

Bước 5: Người nộp hồ sơ thực hiện các nghĩa vụ tài chính và nộp lại bản chính giấy tờ theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

Chủ đầu tư dự án nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp để chỉnh lý vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

- Hợp đồng về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở, công

trình xây dựng theo quy định của pháp luật;

- Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng.

4. Bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất (kèm theo file theo định dạng DGN).

5. Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính: Thuế, lệ phí trước bạ (nếu có);

6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;

- Cơ quan Thuế: 05 ngày;

- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày;

- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày.

Trường hợp chủ đầu tư nộp nhiều hồ sơ (trên 30 hồ sơ) một lần thì thời gian thực hiện là 50 ngày làm việc.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Đăng ký đất đai, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, Thuế, Kho bạc.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, Lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn);

- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04a1/ĐK: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;



- Mẫu số 04b/ĐK: Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất; (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 03/2014/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Bộ xây dựng; có hiệu lực từ ngày 08/4/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04a1/ĐK

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào số tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ
Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ <input type="checkbox"/>	Đăng ký quyền quản lý đất <input type="checkbox"/>	(Đánh dấu ✓ vào ô trống lựa chọn)
	- Cấp GCN đối với đất <input type="checkbox"/>	Cấp GCN đối với tài sản trên đất <input type="checkbox"/>	

- Thừa đất đăng ký:

-- Thừa đất số:; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

a) Loại nhà ở, công trình:

b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

đ) Kết cấu:; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:

4.- Cây lâu năm:



a) Loại cây chủ yếu: b) Diện tích: m ² ; c) Nguồn gốc tạo lập: - Tự trồng rừng: <input type="checkbox"/> - Nhà nước giao không thu tiền: <input type="checkbox"/> - Nhà nước giao có thu tiền: <input type="checkbox"/> - Nhận chuyển quyền: <input type="checkbox"/> - Nguồn vốn trồng, nhận quyền:..... <input type="checkbox"/> d) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ; đ) Thời hạn sở hữu đến:	a) Loại cây chủ yếu:; b) Diện tích:m ² ; c) Sở hữu chung:m ² , Sở hữu riêng:m ² ; d) Thời hạn sở hữu đến:
5. Những giấy tờ nộp kèm theo:	
6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính: Đề nghị khác:	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
<p>.....</p> <p><i>(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)</i></p>	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).
- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).
- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.
- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỪA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:

.....)

Sử dụng chung thửa đất ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất (đánh dấu vào ô trống lựa chọn)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: thuộc xã: huyện tỉnh

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ	Ghi chú	Ký tên
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp			
-	-	-	-	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Hướng dẫn:

- Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thửa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.
- Tên người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ghi đầy đủ theo giấy CMND, hộ chiếu, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư; hộ gia đình phải ghi tên hai vợ chồng người đại diện
- Các cột 4, 5, 6 và 7: Ghi thông tin về Giấy CMND hoặc Hộ chiếu (đối với hộ gia đình, cá nhân); Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư (đối với tổ chức);
- Trường hợp xác định được tỷ lệ (%) hoặc diện tích thuộc quyền sử dụng, sở hữu của từng người thì ghi tỷ lệ (%) hoặc diện tích của từng người vào cột "Ghi chú".

46. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định. Mã số hồ sơ: T-BPC-280682-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển quyền.

Trường hợp không rõ địa chỉ của người chuyển quyền để thông báo thì phải đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương ba số liên tiếp.

Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo hoặc đăng tin lần đầu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương mà không có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thẩm định hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp không nộp Giấy chứng nhận để làm thủ tục đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới cho bên nhận chuyển quyền.

Trường hợp có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định.

Bước 4: Người nộp hồ sơ thực hiện các nghĩa vụ tài chính và nộp lại bản chính giấy tờ theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền, hồ sơ gồm:

- + Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK;
- + Hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền đã lập theo quy định;
 - Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không lập hợp đồng, văn bản chuyển quyền theo quy định, hồ sơ gồm có:
 - + Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;
 - + Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;
 - + Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian thông báo công khai về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày;
- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi cục Thuế.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn);
- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng;

- Chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trả.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK. (ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI,
TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

PHẢN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào số tiếp nhận hồ sơ số:

Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN/...../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

47. Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề. Mã số hồ sơ: T-BPC-280683-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và thể hiện trên Giấy chứng nhận nếu có yêu cầu.

Bước 4: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp của một bên hoặc các bên liên quan.
- Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề.

4. Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phân diện tích thừa đất mà người sử dụng thừa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí: Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK; (ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chỉnh lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN/...../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

48. Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế. Mã số hồ sơ: T-BPC-280684-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn nộp hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định nhu cầu sử dụng đất; trường hợp đủ điều kiện được gia hạn thì trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định gia hạn quyền sử dụng đất.

- Trường hợp cho thuê đất thì ký hợp đồng thuê đất sau khi có quyết định gia hạn;

- Trường hợp không đủ điều kiện được gia hạn sử dụng đất thì thông báo cho người sử dụng đất và làm thủ tục thu hồi đất theo quy định.

Bước 4: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất đến Chi cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định; cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính; xác nhận gia hạn sử dụng đất vào Giấy chứng nhận đã cấp.

Bước 5: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện:

Trước khi hết hạn sử dụng đất tối thiểu là 6 (sáu) tháng hoặc sau khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án thì người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn nộp hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.
- Chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có).

4. Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính: Tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 04 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 05 ngày;
- UBND cấp huyện: 03 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí: Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK. (ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trước khi hết hạn sử dụng đất tối thiểu là 6 (sáu) tháng;

- Sau khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 05 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 1 năm 2014, có hiệu lực ngày 17 tháng 2 năm 2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.
Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
Quyển
Ngày/...../.....
Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử

<i>dùng</i>	
.....	
.....	
Ngày tháng năm Công chức địa chính (Ký, ghi rõ họ, tên)	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch (Ký tên, đóng dấu)
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
.....	
Ngày tháng nămNgười kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng nămGiám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
.....	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng năm Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

- Khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

49. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu. Mã số hồ sơ: T-BPC-280685-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp nộp hồ sơ tại Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ; xác nhận thời hạn được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định của Luật Đất đai vào Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 07 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

f) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

g) **Phí, lệ phí:** Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161 đồng.

h) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09b/ĐK. (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi hết hạn sử dụng đất và có biên bản xác minh của UBND cấp xã nơi có đất về việc thửa đất chưa bị thu hồi, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

k) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 05 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 1 năm 2014, có hiệu lực ngày 17 tháng 2 năm 2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẢN GIHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.
Vào số tiếp nhận hồ sơ số:
Quyền
Ngày/...../.....
Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

<p>I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)</p>	
<p>- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất -- Tên (viết chữ in hoa):</p>	
<p>-- Địa chỉ:</p>	
<p>- Giấy chứng nhận đã cấp -- Số vào số cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:; -- Ngày cấp GCN .../.../.....;</p>	
<p>- Nội dung biến động về:</p>	
<p>-- Nội dung trên GCN trước khi biến động: -;;;;;;</p>	<p>-- Nội dung sau khi biến động: -;;;;;;</p>
<p>4. Lý do biến động.....</p>	
<p>5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động.....</p>	
<p>6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có: - Giấy chứng nhận đã cấp:.....</p>	

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

<i>dung)</i>	
.....	
.....	
.....	
<p style="text-align: center;">Ngày tháng năm</p> <p style="text-align: center;">Công chức địa chính (Ký, ghi rõ họ, tên)</p>	<p style="text-align: center;">Ngày tháng năm</p> <p style="text-align: center;">TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch (Ký tên, đóng dấu)</p>
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
.....	
.....	
.....	
<p style="text-align: center;">Ngày tháng năm</p> <p style="text-align: center;">Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</p>	<p style="text-align: center;">Ngày tháng năm</p> <p style="text-align: center;">Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)</p>

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

50. Tách thửa hoặc hợp thửa đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280686-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện:

- Lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất đối với thửa đất mới tách, hợp thửa;

- Chính lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

+ Trường hợp tách thửa do giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, đấu giá đất hoặc do chia tách hộ gia đình, nhóm người sử dụng đất; do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất để thi hành án thì thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định đối với phần diện tích có biến động; đồng thời xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích còn lại của thửa đất không chuyển quyền.

+ Trường hợp tách thửa do Nhà nước thu hồi một phần thửa đất thì căn cứ quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để việc chính lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp.

Bước 4: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc chia tách thửa đất (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;
- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày;
- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Tài nguyên và Môi trường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).
- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK. (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đáp ứng về điều kiện diện tích tối thiểu tách thửa theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 05 tháng 7 năm 2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014, có hiệu lực ngày 17 tháng 02 năm 2014;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 11/ĐK

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TÁCH THỪA ĐẤT, HỢP THỪA ĐẤT
 Kính gửi:

**PHẦN GHI CỦA NGƯỜI
 NHẬN HỒ SƠ**

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ,
 rõ ràng, thống nhất với giấy tờ
 xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
 Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT (Xem kỹ hướng dẫn ở cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã viết)

- Người sử dụng đất:

-- Tên người sử dụng đất (Viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ

- Đề nghị tách, hợp thửa đất như sau:

-- Đề nghị tách thành thửa đất đối với thửa đất dưới đây:

a) Thửa đất số:; b) Tờ bản đồ số:

c) Địa chỉ thửa đất:

d) Số phát hành Giấy chứng nhận:

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận:; ngày cấp .../.../.....

đ) Diện tích sau khi tách thửa: Thửa thứ nhất: m²; Thửa thứ hai: m²;

-- Đề nghị hợp các thửa đất dưới đây thành một thửa đất:

Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Số phát hành Giấy chứng nhận	Số vào sổ cấp giấy chứng nhận

- Lý do tách, hợp thửa đất:

4. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của thửa đất trên;

- Sơ đồ dự kiến phân chia các thửa đất trong trường hợp tách thửa (nếu có):

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng.

....., ngày tháng ... năm
 Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
<p>Ngày tháng năm</p> <p>Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)</p>

Hướng dẫn viết đơn:

- Đơn này dùng trong trường hợp người sử dụng đất đề nghị tách một thửa đất thành nhiều thửa đất mới hoặc đề nghị hợp nhiều thửa đất thành một thửa đất;

- Đề gửi đơn: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất;

- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ "Hộ ông/bà" và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;

- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối "Phân khai của người sử dụng đất trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

51. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280687-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả theo (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tới Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

- Kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn đề nghị về lý do cấp đổi Giấy chứng nhận;
- Lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức tín dụng nơi nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi.

Việc trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới cấp đổi được thực hiện đồng thời giữa ba bên gồm: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; người sử dụng đất và tổ chức tín dụng theo quy định như sau:

- Người sử dụng đất ký nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để trao cho tổ chức tín dụng nơi đang nhận thế chấp;
- Tổ chức tín dụng có trách nhiệm trao Giấy chứng nhận cũ đang thế chấp cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm:



- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

- Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đổi với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;

- Cơ quan Thuế: 05 ngày;

- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày;

- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày;

Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Chi cục thuế; Ủy ban nhân dân cấp xã.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).

- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK. (ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy

chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Người sử dụng đất có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng hoặc các loại Giấy chứng nhận đã cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 sang loại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp bị ố, nhòe, rách, hư hỏng;

- Do đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất;

- Trường hợp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc của chồng, nay có yêu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014, có hiệu lực ngày 17 tháng 02 năm 2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY
CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC
GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI
NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Nội dung thay đổi khác

4.- Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

-

-

4.- Thông tin thửa đất mới thay đổi:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

-

-

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã

<i>thay đổi - nếu có</i>	
Loại tài sản	Nội dung thay đổi
5.- Thông tin trên GCN đã cấp: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -	5.- Thông tin có thay đổi: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -
6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo - Giấy chứng nhận đã cấp;.....	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

----- Người viết đơn -----

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN <i>(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)</i>	
Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:	
III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
<i>(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).</i>	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>



- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

52. Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân. Mã số hồ sơ: T-BPC-280688-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện theo quy định thì thực hiện các công việc sau đây:

- Xác nhận vào đơn đề nghị về lý do cấp đổi Giấy chứng nhận;
- Lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

Bước 4: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ: (Đối với trường hợp không thực hiện cấp đổi đồng loạt) bao gồm:*

- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.
- Văn bản thỏa thuận về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

* *Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày;
- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;
- Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).

- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK. (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thửa đất nông nghiệp chuyển đổi phải trong cùng một xã, phường, thị trấn.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014, có hiệu lực ngày 17 tháng 02 năm 2014.

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY
CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC
GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẢN GIHI CỦA NGƯỜI
NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

.....

-- Địa chỉ:

.....

- Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

.....

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Nội dung thay đổi khác

4.- Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

.....

.....

4.- Thông tin thửa đất mới thay đổi:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

.....

.....

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)

Loại tài sản	Nội dung thay đổi

<p>5.- Thông tin trên GCN đã cấp:</p> <p>- Loại tài sản:</p> <p>- Diện tích XD (chiếm đất): m²;</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>5.- Thông tin có thay đổi:</p> <p>- Loại tài sản:</p> <p>- Diện tích XD (chiếm đất): m²;</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo</p> <p>- Giấy chứng nhận đã cấp;.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

<p>II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN (Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)</p> <p>Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:</p> <p>.....</p>	
<p>III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).</p>	
<p>Ngày tháng năm</p> <p>Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)</p>

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

53. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280689-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình và cá nhân, cộng đồng dân cư phải thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài cấp tỉnh) 03 kỳ và khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc bị mất Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ trường hợp mất giấy do thiên tai, hỏa hoạn.

Bước 2: Sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, người bị mất Giấy chứng nhận nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 3: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 4: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; lập hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký quyết định hủy Giấy chứng nhận bị mất, đồng thời ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 5: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Hộ gia đình và cá nhân, cộng đồng dân cư phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc bị mất Giấy chứng nhận.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10a/ĐK.
- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy trong thời gian 30 ngày.
- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đối với trường hợp mất Giấy chứng nhận do thiên tai, hỏa hoạn.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày;
- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).
- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10a/ĐK. (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Chứng từ đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY
CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC
GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI
NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Nội dung thay đổi khác

4.- Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

-

-

4.- Thông tin thửa đất mới thay đổi:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

-

-

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)

Loại tài sản	Nội dung thay đổi

<p>5.- Thông tin trên GCN đã cấp:</p> <p>- Loại tài sản:</p> <p>- Diện tích XD (chiếm đất): m²;</p> <p>-</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>5.- Thông tin có thay đổi:</p> <p>- Loại tài sản:</p> <p>- Diện tích XD (chiếm đất): m²;</p> <p>-</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo</p> <p>- Giấy chứng nhận đã cấp;.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do):</p>	
<p>Ngày tháng năm</p> <p>Người kiểm tra</p> <p>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>Giám đốc</p> <p>(Ký tên, đóng dấu)</p>

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

54. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp. Mã số hồ sơ : T-BPC-280690-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phát hiện Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp có sai sót thì thông báo cho người sử dụng đất biết và yêu cầu người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp Giấy chứng nhận đã cấp để thực hiện đính chính.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra; lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót; lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền thực hiện đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót; đồng thời chỉnh lý nội dung sai sót vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Trường hợp đính chính mà người được cấp Giấy chứng nhận có yêu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trình cơ quan có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Bước 3: Người nộp hồ sơ nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ đính chính Giấy chứng nhận tại Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.
- Đơn đề nghị đính chính Giấy chứng nhận đối với trường hợp phát hiện sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (theo Mẫu đơn đăng ký biến động số 9a/ĐK).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày;

- Văn phòng Đăng ký đất đai (hoặc phòng Tài nguyên và Môi trường): 03 ngày;

- Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc UBND cấp huyện): 03 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với giấy chứng nhận đã chuyển quyền bị sai sót thuộc thẩm quyền của Sở); Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của huyện);

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK. (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014.

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014.

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.
Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
Quyển
Ngày/...../.....
Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động

.....
.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....
.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

- Khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền

55. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng. Mã số hồ sơ: T-BPC-280691-TT

a) Trình tự thực hiện:

a.1 - Trường hợp không cấp mới giấy chứng nhận (ký xác nhận tại trang 3 và 4 của giấy chứng nhận):

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai giải quyết theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì ngay trong khi tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định thì thực hiện các công việc sau đây:

- Gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

- Xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bước 4: Người nộp hồ sơ thực hiện các nghĩa vụ tài chính và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

a.2 - Trường hợp cấp mới giấy chứng nhận:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai giải quyết theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì ngay trong khi tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra các giấy tờ pháp lý trong hồ sơ; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký;

- Cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có);
- Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (trừ trường hợp không thuộc đối tượng phải nộp nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật);
- Hoàn thiện hồ sơ gửi Văn phòng Đăng ký đất đai thẩm định theo quy định.

Bước 4: Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc thẩm định hồ sơ và trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp giấy chứng nhận.

Bước 5: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

- Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đã chết trước khi được trao Giấy chứng nhận thì người được thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thừa kế nộp bổ sung giấy tờ về thừa kế theo quy định. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận thừa kế vào Giấy chứng nhận đã ký hoặc lập hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được thừa kế theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Người được thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đã chết phải thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp người sử dụng đất tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng công trình công cộng thì phải lập văn bản tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định.

Sau khi hoàn thành xây dựng công trình công cộng trên đất được tặng cho, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai căn cứ vào văn bản tặng cho quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và hiện trạng sử dụng đất để đo đạc, chỉnh lý biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và thông báo cho người sử dụng đất nộp Giấy chứng nhận đã cấp để xác nhận thay đổi. Trường hợp người sử dụng đất tặng cho toàn bộ diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận thì thu hồi Giấy chứng nhận để quản lý.

Ghi chú: Việc ký xác nhận trang 3 và 4 hay cấp mới giấy chứng nhận do người nộp hồ sơ yêu cầu và được ghi tại phiếu hẹn.

b) **Cách thức thực hiện:** Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* *Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc

chồng thành của chung vợ và chồng theo quy định.

Trường hợp người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là người duy nhất thì phải có đơn đề nghị được đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thừa kế;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

- Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất.;

- Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đã chết trước khi được trao Giấy chứng nhận thì người được thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thừa kế nộp bổ sung giấy tờ về thừa kế theo quy định;

- Trích đo địa chính thửa đất (nếu có);

- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính (thuế, lệ phí trước bạ).

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

* Trường hợp phải cấp mới Giấy chứng nhận là 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày.

- Cơ quan Thuế: 05 ngày;

- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày;

- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày.

* Trường hợp không phải cấp mới Giấy chứng nhận (cập nhật, chỉnh lý trang 3- trang 4) là 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 02 ngày;

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 05 ngày;

- Cơ quan Thuế: 05 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định:
- + Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận;
- + Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đối với trường hợp xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Đăng ký đất đai; cơ quan Thuế; Kho bạc.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng;
- Phí đo đạc tách thửa (nếu có).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy chứng nhận (trừ trường hợp tất cả người nhận thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất đều là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam).

Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp thì người sử dụng đất được thực hiện quyền sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất; trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất được thực hiện quyền khi có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Trường hợp người sử dụng đất được chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện xong nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện các quyền.

- Đất không có tranh chấp.
- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.

4. Trong thời hạn sử dụng đất.

5. Ngoài các điều kiện nêu tại các điểm 1, 2, 3 và 4 trên đây, còn phải đủ điều kiện sau:

a) Điều kiện bán, mua tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm

- Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được bán tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

+ Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận.

- Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

b) Điều kiện nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất:

- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất đối với trường hợp mà pháp luật không cho phép chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất;

- Hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa;

- Hộ gia đình, cá nhân không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp trong khu vực rừng phòng hộ, trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng, nếu không sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đó.

c) Điều kiện hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất:

- Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống xen kẽ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng nhưng chưa có điều kiện chuyển ra khỏi phân khu đó thì chỉ được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất rừng kết hợp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản cho hộ gia đình, cá nhân sinh sống trong phân khu đó;

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp trong khu vực rừng phòng hộ thì chỉ được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ đó;

- Hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số sử dụng đất do Nhà nước giao đất theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước thì được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất sau 10 năm, kể từ ngày có quyết định giao đất.

d) Hộ gia đình, cá nhân được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Mục đích sử dụng đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp một khoản tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

56. Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Mã số hồ sơ: T-BPC-280692-TT

1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất thực hiện mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự, nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì ngay trong ngày cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ để cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất, chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ cho thuê đất.

Bước 4: Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê để cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận, ký hợp đồng thuê đất đối với bên mua, nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê; thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với người bán, người góp vốn bằng tài sản.

Bước 5: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển thông tin địa chính để Chi cục Thuế xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 6: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Hợp đồng, văn bản mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

- Hợp đồng thuê đất đã ký với Nhà nước;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận góp vốn để thực hiện dự án đầu tư;

- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính: Tiền thuê đất; lệ phí trước bạ; thuế

thu nhập cá nhân (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện: 03 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Phòng Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan Thuế; Kho bạc.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận;
- Hợp đồng thuê đất.

g) Lệ phí: Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Yêu cầu đối với bên bán tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

- Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận.

* Người mua tài sản gắn liền với đất thuê phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Có năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư;

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư;
- Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án trước đó.

* Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

57. Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280693-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Một trong các bên hoặc các bên ký hợp đồng thuê, thuê lại, hợp đồng góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện)

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu phù hợp quy định của pháp luật thì thực hiện các công việc sau:

- Xác nhận việc xóa thuê, cho thuê lại, xóa góp vốn vào Giấy chứng nhận theo quy định và trao cho bên cho thuê, cho thuê lại, bên góp vốn. Trường hợp cho thuê, cho thuê lại đất trong khu công nghiệp và trường hợp góp vốn quyền sử dụng đất mà đã cấp Giấy chứng nhận cho bên thuê, thuê lại đất, bên nhận góp vốn thì thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; bên nhận góp vốn được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Trường hợp thời hạn sử dụng đất kết thúc cùng với thời điểm xóa cho thuê, cho thuê lại đất, xóa góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà người sử dụng đất không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn sử dụng đất thì thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp.

- Thực hiện việc xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, xóa góp vốn vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Người nộp hồ sơ nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có xác nhận đã được thanh lý hợp đồng;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; không quá 03 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký, xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 02 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày.

Trong trường hợp phải cấp mới Giấy chứng nhận thì thời gian giải quyết là không quá 15 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Trường hợp cập nhật chỉnh lý Giấy chứng nhận: Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161 đồng;

- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:

+ Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng;

+ Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn góp vốn bằng quyền sử dụng đất;
- Một bên hoặc các bên đề nghị theo thoả thuận trong hợp đồng góp vốn;
- Bị thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai;
- Bên góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc doanh nghiệp liên doanh bị tuyên bố phá sản, giải thể;

- Cá nhân tham gia hợp đồng góp vốn chết; bị tuyên bố là đã chết; bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; bị cấm hoạt động trong lĩnh vực hợp tác kinh doanh mà hợp đồng góp vốn phải do cá nhân đó thực hiện;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.



58. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280694-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; chia tách hộ gia đình, vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất; tổ chức đã thực hiện việc xử lý quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay người nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không theo thỏa thuận; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án theo quy định của pháp luật nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện):

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu phù hợp quy định của pháp luật thì thực hiện:

Gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính; cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Bước 4: Người sử dụng đất nộp chứng từ nộp tiền tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

Bước 5: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển chứng từ nộp tiền đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Bước 6: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện các công việc sau:

- Xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp; trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định thì lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nếu có nhu cầu;

- Cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đã chết trước khi được trao Giấy chứng nhận thì người được thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thừa kế nộp bổ sung giấy tờ về thừa kế theo quy định. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận thừa kế vào Giấy chứng nhận đã ký hoặc lập hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được thừa kế theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Người được thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đã chết phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Bước 7: Người sử dụng đất nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

- Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thế chấp, góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp, góp vốn và văn bản bàn giao tài sản thế chấp, góp vốn theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành có nội dung xác định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án đã được thi hành; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất.

4. Trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình phải có sổ hộ khẩu kèm theo; trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ và chồng phải có sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận kết hôn hoặc ly hôn kèm theo.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết:

* Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận là 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày.
- Cơ quan Thuế: 05 ngày.
- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày.
- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày.

* Trường hợp không phải cấp mới Giấy chứng nhận (cập nhật, chỉnh lý trang 3, trang 4) là 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 02 ngày.
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 05 ngày.
- Cơ quan Thuế: 05 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Thuế, Kho bạc.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;
- Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Trường hợp cập nhật chỉnh lý Giấy chứng nhận: Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161đ;
- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:
+ Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng;

+ Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn)

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

.....

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

4. Lý do biến động.....

.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động.....

.....

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

.....

.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....

.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.



59. Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận. Mã số hồ sơ: T-BPC-280695-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định thì thực hiện các công việc sau đây:

- Trường hợp đăng ký thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu, cấp (hạng) nhà hoặc công trình xây dựng mà không phù hợp với giấy phép xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải xin phép thì gửi phiếu lấy ý kiến của cơ quan quản lý, cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính; cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

Bước 4: Người sử dụng đất nộp chứng từ nộp tiền tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

Bước 5: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển chứng từ nộp tiền đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Bước 6: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện các công việc sau:

- Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông báo cho người sử dụng đất ký hoặc ký lại hợp đồng thuê đất với cơ quan tài nguyên và môi trường đối với trường hợp phải thuê đất;

+ Chính lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 7: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) **Cách thức thực hiện:** Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* *Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.
- Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động:
 - Văn bản công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình thay đổi họ, tên;
 - Bản sao sổ hộ khẩu đối với trường hợp thay đổi người đại diện là chủ hộ gia đình; văn bản thỏa thuận của hộ gia đình được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp thay đổi người đại diện là thành viên khác trong hộ;
 - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy chứng minh quân đội và sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận;
 - Văn bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp cộng đồng dân cư đổi tên;
 - Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên;
 - Chứng từ về việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp người sử dụng đất được miễn giảm hoặc không phải nộp do thay đổi quy định của pháp luật;
 - Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp có hạn chế theo quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; trường hợp có thay đổi hạn chế theo văn bản chuyển quyền sử dụng đất thì phải có văn bản chấp thuận thay đổi hạn chế của người có quyền lợi liên quan, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;
 - Bản sao một trong các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thể hiện nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên Giấy chứng nhận.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) **Thời hạn giải quyết:**

* Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày.
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày.
- Cơ quan Thuế: 05 ngày.
- Văn phòng Đăng ký đất đai: 03 ngày.
- Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày.

* Trường hợp không phải cấp mới Giấy chứng nhận (cập nhật, chỉnh lý trang 3 – trang 4) là 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày.
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 04 ngày.
- Cơ quan Thuế: 05 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, nông nghiệp, Thuế, Kho bạc.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;
- Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Trường hợp cập nhật chỉnh lý Giấy chứng nhận: Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161 đồng;
- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:
 - + Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng;
 - + Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK. (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014.
 - Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
 - Thông tư số 76/2014/TT-BTNMT ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
 - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
 - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;
-
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
 - Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
 - Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyển

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:.....;

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

.....;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

.....

.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.



60. Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-280696-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định thì gửi thông tin địa chính cho cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

Bước 4: Người sử dụng đất nộp chứng từ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (trừ trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm).

Bước 5: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển chứng từ nộp tiền đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

Bước 6: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật thì thực các công việc sau:

- Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông báo cho người sử dụng đất ký hoặc ký lại hợp đồng thuê đất với cơ quan tài nguyên và môi trường đối với trường hợp phải thuê đất;

- Chính lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 7: Người nộp hồ sơ nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp

- Hợp đồng thuê đất đã lập.

4. Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

* Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày.

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 06 ngày.

- Cơ quan Thuế: 05 ngày.

- Văn phòng Đăng ký đất đai (hoặc phòng Tài nguyên và Môi trường): 03 ngày.

- Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc UBND cấp huyện): 03 ngày.

* Trường hợp không phải cấp mới Giấy chứng nhận (cập nhật, chỉnh lý trang 3 - trang 4) là 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 02 ngày;

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 05 ngày;

- Cơ quan Thuế: 05 ngày.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người dân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả giải quyết hoặc người dân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, nông nghiệp, thuế, kho bạc.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí:

- Trường hợp cập nhật chính lý Giấy chứng nhận: Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161 đồng;

- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:

+ Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng;

+ Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09a/ĐK. (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/TT-BTNMT)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ ngày 17/02/2014;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẢN GIHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào số tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN/...../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

4. Lý do biến động.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

61. Cung cấp thông tin đất đai. Mã số hồ sơ: T-BPC-280697-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người có yêu cầu cung cấp thông tin nộp phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

Bước 2: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người yêu cầu đối với các dịch vụ thuộc thẩm quyền của mình.

b) Cách thức thực hiện: Người có yêu cầu cung cấp thông tin nộp phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc văn bản yêu cầu cung cấp thông tin.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết:

Trong ngày đối với các yêu cầu về tra cứu thông tin; không quá 02 ngày đối với việc trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích sao sổ địa chính, sổ mục kê.

Trường hợp cung cấp thông tin dưới dạng tổng hợp thông tin đất đai thì theo thỏa thuận giữa Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai với bên yêu cầu cung cấp thông tin.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cung cấp thông tin đất đai.

g) Phí, lệ phí: 105.000 đồng hoặc theo hợp đồng đã ký kết.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin (mẫu số 01/TTĐĐ).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014, có hiệu lực ngày 17 tháng 02 năm 2014;

- Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND cấp tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

62. Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.
Mã số hồ sơ: T-BPC-280698-TT.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

Bước 2: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật thông tin thửa đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có); xác nhận vào đơn yêu cầu và trang bổ sung Giấy chứng nhận theo quy định.

Bước 3: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (mẫu 01/ĐKTC).

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai có công chứng, chứng thực hoặc có xác nhận theo quy định của pháp luật 01 bản chính.

- Giấy chứng nhận 01 bản chính.

- Giấy phép xây dựng đối với các tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng hoặc dự án đầu tư đã được phê duyệt trong trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản đó có công chứng, chứng thực hoặc có xác nhận hoặc tài sản đó không thuộc diện phải xin cấp phép xây dựng, không phải lập dự án đầu tư) 01 bản sao có chứng thực.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; nếu hồ sơ nhận sau 15 giờ thì thực hiện thủ tục đăng ký chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí: Theo Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (02 bản theo Mẫu số 01/ĐKTC) *được Ngân hàng - bên nhận thế chấp cung cấp và hướng dẫn kê khai.*

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư Liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước Về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh

63. Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp, bảo lãnh đã đăng ký. Mã số hồ sơ: T-BPC-280699-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

Bước 2: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật thông tin thửa đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có); xác nhận vào đơn yêu cầu và trang bổ sung Giấy chứng nhận theo quy định.

Bước 3: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký (mẫu 02/ĐKTD).

- Hợp đồng về việc thay đổi trong trường hợp các bên thoả thuận bổ sung, rút bớt tài sản thế chấp; thoả thuận rút bớt, bổ sung, thay thế một trong các bên ký kết hợp đồng thế chấp; hoặc thay đổi tên, thay đổi loại hình doanh nghiệp, thay đổi một trong các bên ký kết hợp đồng thế chấp theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (01 bản sao có chứng thực).

- Giấy chứng nhận (01 bản chính).

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; nếu hồ sơ nhận sau 15 giờ thì thực hiện thủ tục đăng ký chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí: Theo Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thể chấp đã đăng ký (mẫu 02/ĐKTC) *do từng Ngân hàng quy định - bên nhận thể chấp cung cấp và hướng dẫn kê khai*

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước Về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch-bảo đảm trên địa bàn tỉnh



64. Sửa chữa sai sót trong nội dung đăng ký thế chấp. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806701-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi một trong các bên ký kết hợp đồng thế chấp phát hiện trong nội dung đăng ký thế chấp có sai sót thì nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

Bước 2: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật thông tin thửa đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có); xác nhận vào đơn yêu cầu và trang bổ sung Giấy chứng nhận theo quy định.

Bước 3: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn yêu cầu sửa chữa sai sót (mẫu 05/SCSS).

- Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp trong nội dung ghi có sai sót (bản chính).

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp trước đây có chứng nhận của cơ quan đăng ký nếu phần chứng nhận nội dung đăng ký có sai sót (01 bản chính).

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Trong ngày nếu hồ sơ hợp lệ; hồ sơ nhận sau 15 giờ, thì việc giải quyết chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Theo Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn yêu cầu sửa chữa sai sót (Mẫu số 05/SCSS). (Ngân hàng, bên nhận thế chấp cung cấp và hướng dẫn kê khai).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
 - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
 - Thông tư Liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước Về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh
-

65. Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806702-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Bên yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

Bước 2: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện ghi nhận việc đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm vào Sổ địa chính và Sổ theo dõi biến động đất đai; chứng nhận vào Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm; thông báo bằng văn bản về việc xử lý tài sản bảo đảm cho các bên cùng nhận thế chấp đã đăng ký trong trường hợp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ.

Bước 3: Người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc cơ quan tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp (01 bản chính, mẫu 04/ĐKVB).

- Văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp (01 bản chính).

** Số lượng hồ sơ:* 01 bản.

d) Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; nếu hồ sơ nhận sau 15 giờ thì thực hiện thủ tục đăng ký chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm;

g) Phí, lệ phí: Theo Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp (mẫu 04/ĐKVB) Ngân hàng - bên nhận thế chấp cung cấp và kê khai.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;

- Thông tư Liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước Về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh.



II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN.

1. **Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806703-TT**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người xin giao đất, thuê đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để giải quyết theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc gửi xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức kiểm tra thực địa và có văn bản thẩm định gửi đến người xin giao đất, thuê đất.

Bước 4: Người nộp hồ sơ nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả theo (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn xin giao đất, cho thuê đất;
- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 07 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Phòng Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

g) Lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

ĐƠN¹....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân²

- Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất³
.....
- Địa chỉ/trụ sở chính:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
.....
- 4. Địa điểm khu đất:.....
- 5. Diện tích (m2):.....
- 6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
- 7. Thời hạn sử dụng:.....
- 8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....
.....

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

² Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

³ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

⁴ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư

2. Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806704-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người xin giao đất, thuê đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất và ký cấp Giấy chứng nhận.

Đối với trường hợp cho thuê đất: Sau khi có quyết định cho thuê đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất và chuyển hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận và trả kết quả để thông báo cho người dân đến ký hợp đồng thuê đất.

Bước 4: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm đăng ký, cập nhật vào hồ sơ địa chính và chuyển thông tin địa chính thửa đất cho Chi Cục thuế xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Bước 5: Người được giao đất, cho thuê đất nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

Bước 6: Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức giao đất trên thực địa (nếu có) cho người được giao đất, cho thuê đất.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn xin giao đất, cho thuê đất;
- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, tiền thuê đất (nếu có));
- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc, không kể thời gian giải phóng mặt bằng và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 04 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 05 ngày;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện: 03 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục: Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã; Chi Cục thuế; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định giao đất (đối với trường hợp giao đất);
- Quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).
- Biên bản giao đất trên thực địa (nếu có) và Giấy chứng nhận QSD đất.

g) Lệ phí: Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 25.000 đồng.

Lệ phí đăng ký biến động đất đai: 83.099 đồng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm): - Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chính lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

ĐƠN¹....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân²

- Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất³

- Địa chỉ/trụ sở chính:.....

- Địa chỉ liên hệ:.....

4. Địa điểm khu đất:.....

5. Diện tích (m²):.....

6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴.....

7. Thời hạn sử dụng:.....

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có).....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

² Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

³ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

⁴ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư

3. Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806705-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để giải quyết theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 héc ta trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Bước 4: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính và chuyển thông tin địa chính thửa đất cho Chi Cục thuế xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Bước 5: Người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và nhận kết quả tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả theo quy định (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Trích đo địa chính thửa đất (nếu có);

- Bản cam kết về hạn nước đất ở;

- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ).

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Trong đó:

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: 03 ngày;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 04 ngày;
- Cơ quan Thuế: 05 ngày;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 05 ngày;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện: 03 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục: Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan phối hợp: Chi Cục thuế; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và Giấy chứng nhận QSD đất đã được chỉnh lý biến động.

g) Phí, Lệ phí: Trường hợp cập nhật chỉnh lý Giấy chứng nhận: Lệ phí đăng ký biến động là: 49.161 đồng.

- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận QSD đất:

+ Lệ phí đăng ký biến động là: 83.099 đồng;

+ Lệ phí cấp Giấy chứng nhận QSD đất là: 20.000 đồng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai : Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Đất đai năm 2013;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.
- Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá chỉnh lý hồ sơ địa chính và in ấn bản đồ nền trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

ĐƠN¹....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân²

- Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất³
.....
- Địa chỉ/trụ sở chính:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
.....
- 4. Địa điểm khu đất:.....
- 5. Diện tích (m2):.....
- 6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
- 7. Thời hạn sử dụng:.....
- 8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....
.....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

² Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

³ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

⁴ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư

4. Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806706-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Xác định căn cứ thu hồi đất theo từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của cá nhân người sử dụng đất chết mà không có người thừa kế có trách nhiệm gửi Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố một người là đã chết theo quy định của pháp luật và văn bản xác nhận không có người thừa kế của Ủy ban nhân dân cấp xã đến Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có đất thu hồi đối với trường hợp thu hồi đất của cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế;

b) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất;

c) Hàng năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát và có thông báo về những trường hợp không được gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất có thời hạn.

Bước 2: Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra, xác minh thực địa trong trường hợp xét thấy cần thiết.

Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất.

Bước 4: Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu hồi đất trên thực địa và bàn giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; trường hợp phải tổ chức cưỡng chế thu hồi đất thì thực hiện như sau:

a) Sau khi có quyết định thu hồi đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi bàn giao đất;

b) Sau khi vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi không thực hiện quyết định thu hồi đất thì Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất;

c) Tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cưỡng chế trình Ủy ban nhân dân cấp đã ban hành quyết định cưỡng chế phê duyệt;

d) Tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế tự nguyện thực hiện việc bàn giao đất; nếu người bị cưỡng chế chấp nhận thì hành thì tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế lập biên bản và thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm chậm nhất 05 ngày kể từ ngày lập biên bản;

đ) Tổ chức lực lượng thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế



đối với trường hợp đã được vận động, thuyết phục mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không chấp nhận thi hành quyết định cưỡng chế.

Bước 5: Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc thông báo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không còn giá trị pháp lý đối với trường hợp người sử dụng đất không chấp hành việc nộp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Bước 6: Trường hợp người có đất thu hồi do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, do vi phạm pháp luật đất đai mà có khiếu nại quyết định thu hồi đất thì việc giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại.

b) Cách thức thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường trường lập hồ sơ thu hồi đất trên cơ sở căn cứ thu hồi đất đối với từng trường hợp thu hồi đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế:

(1) Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố cá nhân sử dụng đất là đã chết theo quy định của pháp luật;

(2) Văn bản xác nhận không có người thừa kế của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của cá nhân sử dụng đất đã chết;

(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:

a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm:

- Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

- Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm:

+ Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp;

+ Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập;

+ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp.

- Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có).

- Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép.

- Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận.

- Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản

gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó.

i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan.

k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành.

l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014.

m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.

(4) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);

(5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;

(6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.

c.2. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất:

(1) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận về việc trả lại đất của người sử dụng đất;

(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:

a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở

thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm:

- Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

- Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm:

- + Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp;

- + Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập;

- + Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp.

- Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có).

- Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép.

- Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận.

- Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản

lý việc cấp loại giấy tờ đó.

i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan.

k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành.

l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014.

m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.

(3) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);

(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;

(5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.

c.3. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn:

(1) Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất;

(2) Văn bản thông báo cho người sử dụng đất biết không được gia hạn sử dụng đất;

(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:

a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở

thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm:

- Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

- Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm:

+ Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp;

+ Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập;

+ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp.

- Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có).

- Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép.

- Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận.

- Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản

lý việc cấp loại giấy tờ đó.

i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan.

k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành.

l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014.

m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.

(4) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);

(5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;

(6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.

c.4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất:

(1) Quyết định thu hồi đất;

(2) Báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi nhưng không chấp hành quyết định thu hồi đất;

(3) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, lực lượng thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định thu hồi đất;

- Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất (đối với trường hợp phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất);

- Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đất đã được thu hồi.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.



5. Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún; bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806707-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún; bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người.

- Cơ quan có thẩm quyền có văn bản xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người mà cần phải thu hồi đất.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra, xác minh thực địa trong trường hợp xét thấy cần thiết.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu hồi đất trên thực địa và bàn giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; trường hợp phải tổ chức cưỡng chế thu hồi đất thì thực hiện như sau:

a) Sau khi có quyết định thu hồi đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi bàn giao đất;

b) Sau khi vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi không thực hiện quyết định thu hồi đất thì Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất;

c) Tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cưỡng chế trình Ủy ban nhân dân cấp đã ban hành quyết định cưỡng chế phê duyệt;

d) Tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế tự nguyện thực hiện việc bàn giao đất; nếu người bị cưỡng chế chấp nhận thì hành thì tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế lập biên bản và thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm chậm nhất 05 ngày kể từ ngày lập biên bản;

đ) Tổ chức lực lượng thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế đối với trường hợp đã được vận động, thuyết phục mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không chấp nhận thi hành quyết định cưỡng chế.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc thông báo hủy Giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp không thu hồi được Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc bố trí nơi ở tạm và thực hiện tái định cư đối với người phải cưỡng chế di dời.

b) Cách thức thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ thu hồi đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Hồ sơ thu hồi đất:*

(1) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người;

(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:

a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm:

- Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

- Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm:

+ Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp;

+ Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập;

+ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp.

- Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có).

- Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép.

- Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận.

- Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó.

i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan.

k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành.

l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014.

m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.

(3) Biên bản xác minh thực địa do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có);

(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;

(5) Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sụt lún, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác;

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường;

+ Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc bố trí nơi ở tạm, tái định cư;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, lực lượng thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định thu hồi đất;

- Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất (đối với trường hợp phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất);

- Tổ phát triển quỹ đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đất đã được thu hồi.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

6. Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/huyện). Mã số hồ sơ: T-BPC-2806708-TT

a) Trình tự thực hiện:

(1) Cơ quan Tài nguyên và Môi trường xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

(2) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Thông báo thu hồi đất và gửi đến từng người có đất thu hồi; họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân nơi có đất thu hồi. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì thực hiện như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với trường hợp đã được vận động, thuyết phục nhưng người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế đối với trường hợp người sử dụng đất không thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc.

(3) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

(4) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi.

(5) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với Phương án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền.

(6) Cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chuẩn bị hồ sơ thu hồi đất.

(7) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày theo thẩm quyền như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (trừ đất ở), tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam;

c) Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại điểm a và điểm b mục này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

(8) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

(9) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt. Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì thực hiện như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế đối với trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không

chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế đối với trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Ban thực hiện cưỡng chế lập Phương án cưỡng chế và dự toán kinh phí cho hoạt động cưỡng chế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

- Lực lượng Công an căn cứ vào phương án cưỡng chế thu hồi đất để xây dựng Kế hoạch bảo vệ trật tự, an toàn trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất;

- Ban thực hiện cưỡng chế vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế; nếu người bị cưỡng chế chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự chấp hành;

- Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện cưỡng chế theo phương án đã được phê duyệt nếu có đủ 4 điều kiện:

Điều kiện 1: Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục;

Điều kiện 2: Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

Điều kiện 3: Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực thi hành;

Điều kiện 4: Người bị cưỡng chế đã nhận được quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành); có quyền buộc người bị cưỡng chế và những người có liên quan phải ra khỏi khu đất cưỡng chế, tự chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế; nếu không thực hiện thì Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan cùng tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế; trường hợp người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế phải lập biên bản, tổ chức thực hiện bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật và thông báo cho người có tài sản nhận lại tài sản; Ban thực hiện cưỡng chế giao tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật nếu người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản; bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

(10) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng.

(11) Người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành; hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra (nếu có).

Đối với trường hợp việc thu hồi đất có liên quan đến quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân khác trong việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật khác có liên quan thì Nhà nước tiến hành thu hồi đất, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định mà không phải chờ cho đến khi giải quyết xong quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng đất giữa người có đất thu hồi và tổ chức, cá nhân đó theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

- Người có đất thu hồi nhận bản Thông báo thu hồi đất và dự họp phổ biến việc thực hiện Thông báo thu hồi đất; được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; được xem niêm yết Thông báo thu hồi.

- Người có đất thu hồi được mời họp trực tiếp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để có ý kiến về dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và ký vào biên bản lấy ý kiến về dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; nếu còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì phối với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức đối thoại; xem dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Người có đất thu hồi được nhận quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Người có đất thu hồi được phổ biến về Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt; xem Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất:

a) Tờ trình kèm theo dự thảo thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án.

Trường hợp thu hồi đất để thực hiện dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu

tư thì phải có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án (đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện);

c) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án.

c.2. Hồ sơ trình ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc:

a) Thông báo thu hồi đất;

b) Văn bản đề nghị kiểm đếm bắt buộc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người sử dụng đất theo quy định để thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm;

d) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;

đ) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định kiểm đếm bắt buộc.

c.3. Hồ sơ trình ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc:

a) Quyết định kiểm đếm bắt buộc;

b) Văn bản đề nghị cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

c) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.

c.4. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất gồm:

(1) Thông báo thu hồi đất;

(2) Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được thẩm định và bản tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất bị thu hồi;

(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:

a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản

gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm:

- Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

- Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm:

+ Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp;

+ Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập;

+ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp.

- Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có).

- Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép.

- Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận.

- Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của

pháp luật.

h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó.

i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan.

k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành.

l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014.

m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.

(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa;

(5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.

c.5. Hồ sơ trình ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất

a) Quyết định thu hồi đất;

b) Văn bản đề nghị cưỡng chế thu hồi đất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi theo quy định nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

d) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

c.6. Hồ sơ trình thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất

a) Quyết định cưỡng chế thu hồi đất;

b) Biên bản về việc từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế;

c) Văn bản đề nghị tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

d) Tờ trình kèm theo quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

d) Thời hạn giải quyết: Quy định thời hạn giải quyết đối với một số trình tự như sau:

a) Thời gian từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi đất: chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp.

Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất.

b) Thời gian ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc: 10 ngày kể từ ngày người sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã vận động, thuyết phục thực hiện Thông báo thu hồi đất.

c) Thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trường hợp mà thực hiện vượt quá 30 ngày: Nếu nhà nước chậm chi trả thì người có đất thu hồi được nhà nước thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả; nếu người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước.

d) Thời gian bàn giao đất đối với trường hợp người bị cưỡng chế thu hồi đất chấp hành quyết định cưỡng chế: chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự chấp hành của người có đất bị thu hồi.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tài nguyên và môi trường;
- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (tùy thuộc cấp xã hoặc cấp huyện) về thẩm quyền thu hồi đất đối với trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện);
- Cơ quan phối hợp: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất; Ban thực hiện cưỡng chế; Lực lượng Công an; tổ chức khác, cá nhân có liên quan.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định thu hồi đất;

- Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;
- Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất (đối với trường hợp phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất);
- Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo thu hồi đất ban hành kèm theo mẫu số 07 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;
- Quyết định kiểm đếm bắt buộc ban hành kèm theo mẫu số 08 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;
- Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ban hành kèm theo mẫu số 09 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;
- Quyết định thu hồi đất ban hành kèm theo mẫu số 10 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;
- Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất ban hành kèm theo mẫu số 11 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:



ỦY BAN NHÂN DÂN ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
để thực hiện dự án.....

Căn cứ ¹Luật Đất đai

Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của đã được Ủy ban nhân dân..... phê duyệt ngày.... tháng ... năm ...;

Căn cứ tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án ².....

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc của Phòng Tài nguyên và Môi trường) tại Tờ trình số ngàythángnăm.....

Ủy ban nhân dân thông báo như sau:

- **Thu hồi đất** của (ghi tên người có đất thu hồi)

- Địa chỉ thường trú

- Diện tích đất dự kiến thu hồi.....

- Thửa đất số ..., thuộc tờ bản đồ số ... tại xã

- Loại đất đang sử dụng³

- **Lý do thu hồi đất:**

- **Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:**

Trong thời gian bắt đầu từ ngày....tháng ... nămđến ngày....tháng ...năm ⁴

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư:

Ông/bà.....có trách nhiệm phối hợp với⁵ thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền

với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như mục 4;
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- 1 Ghi rõ điểm, khoản nào của Điều 61/62 của Luật Đất đai;
- 2 Ghi rõ tên, địa chỉ dự án ghi trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm ...
- 3 Một loại hoặc nhiều loại đất
- 4 Trường hợp thu hồi theo từng giai đoạn thực hiện dự án thì ghi rõ thời gian thực hiện từng giai đoạn.
- 5 Ghi rõ tổ chức làm nhiệm vụ ...



ỦY BAN NHÂN DÂN ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày..... thángnăm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiểm đếm bắt buộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày...tháng ...năm;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông báo số ngày...tháng ...năm ... của về việc thông báo thu hồi đất.....;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình sốngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều - Áp dụng biện pháp kiểm đếm bắt buộc đối vớiđang sử dụng thửa đất số ..., thuộc tờ bản đồ số tại xã/phường/thị trấn do địa chỉ

Thời gian thực hiện kiểm đếm bắt buộc từ ngàythángnăm....đến ngàytháng.....năm

Điều -

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng..... năm...

- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn có trách nhiệm giao quyết định này cho.....và niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn...., địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư

- Giao ¹..... triển khai thực hiện kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; các đơn vị có liên quan; ²..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 4 Điều 2;
- Thanh tra huyện, Công an huyện...
- Sở TN&MT (để b/c);
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ.

² Ghi rõ tên người sử dụng đất.

ỦY BAN NHÂN DÂN ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày..... thángnăm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN¹.....

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày...tháng ...năm;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về việc kiểm đếm bắt buộc;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình sốngày ... tháng ... năm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều - Áp dụng biện pháp cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đối với
.....đang sử dụng thửa đất số ..., thuộc tờ bản đồ số tại xã
..... do địa chỉ

Thời gian thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc từ ngàythángnăm....đến ngàytháng.....năm ...

Điều -

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng..... năm...

- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn có trách nhiệm giao quyết định này cho.....và niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....., địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư

- Giao²..... triển khai thực hiện kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí phục vụ thực hiện cưỡng chế:.....

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; các đơn vị có liên quan; ³..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 5 Điều 2;
- Thanh tra huyện, VKSND, CA huyện.....
- Sở TN&MT (để b/c);
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên UBND cấp huyện....

² Ghi tên cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ

³ Ghi rõ tên người sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày..... thángnăm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi đất ¹.....

ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày...tháng ...năm;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ²

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số... ..ngày ... tháng ... năm ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều - Thu hồi ... m² đất của ... (ghi tên người có đất bị thu hồi), thuộc thửa đất số ... (một phần hoặc toàn bộ thửa đất), thuộc tờ bản đồ số ... tại

Lý do thu hồi đất:.....³

Điều - Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn có trách nhiệm giao quyết định này cho Ông (bà) ...; trường hợp Ông (bà) ... không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ..., tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư....

- Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân ... thành lập hội đồng định giá hoặc tổ chức đấu giá để xác định phần giá trị còn lại trên đất thu hồi (đối với trường hợp thu hồi đất quy định

tại Điều c, g, h Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai); trình Ủy ban nhân dân phê duyệt kết quả xác định phân giá trị còn lại trên đất thu hồi.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của

4. Giao hoặc giao để quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi.

Điều -

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

- Cơ quan, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Cơ quan thanh tra;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi rõ mục đích thu hồi đất(theo Điều 61/62/64/65 của Luật Đất đai)

² Ghi rõ căn cứ thu hồi đất: Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của được phê duyệt tại Quyết định số của Ủy ban nhân dân; Biên bản, văn bản của.....ngày...thángnăm

³ Ghi rõ mục đích thu hồi đất như -



ỦY BAN NHÂN DÂN ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày..... thángnăm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cưỡng chế thu hồi đất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày...tháng ...năm;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân về việc thu hồi đất.....;

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều - Áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối vớiđang sử dụng thửa đất số ..., thuộc tờ bản đồ số tại xã.....do địa chỉ

Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngàythángnăm....đến ngàytháng.....năm

Điều -

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng..... năm...

- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn có trách nhiệm giao quyết định này cho.....và niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....., địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư

- Giao ¹ triển khai thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí phục vụ thực hiện cưỡng chế:.....

5. Sở/Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; các đơn vị có liên quan; ² chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 5 Điều 2;
- Thanh tra huyện, VKSND, CA huyện...
- Sở TN&MT (để b/c);
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ

² Ghi rõ tên người sử dụng đất

7. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806709-TT

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để giải quyết theo quy định.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nếu xác định Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì báo cáo UBND cấp huyện. Thời gian không quá 10 ngày làm việc.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo bằng văn bản cho cơ quan thanh tra cùng cấp thẩm tra. Thời gian không quá 03 ngày làm việc.

Bước 5: Cơ quan thanh tra có văn bản kết luận Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do (thời gian không quá 12 ngày làm việc); sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp (thời gian không quá 05 ngày làm việc) (trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật).

Bước 6: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đã thu hồi theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

b) Cách thức thực hiện: Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (cấp xã hoặc cấp huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

** Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Đơn phản ánh việc cấp Giấy chứng nhận không đúng quy định.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Cơ quan thanh tra.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có hiệu lực từ ngày 05/7/2014;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

8. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806710-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nộp đơn tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao trách nhiệm cơ quan tham mưu giải quyết.

Bước 3: Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần thiết) và hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan.

b) Cách thức thực hiện: Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nộp đơn tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai;

- Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp;

- Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp;

- Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày làm việc; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 15 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường và các phòng ban của Ủy ban nhân dân huyện.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, có hiệu lực ngày 01/7/2014;
- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;
- Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của UBND tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

III. THỦ TỤC HÀNG CHÍNH CẤP XÃ.

1. Hòa giải tranh chấp đất đai. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806711-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) nơi có đất tranh chấp.

Bước 2: Sau khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất;

- Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải;

- Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản và phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

Bước 3: Trường hợp hòa giải thành, UBND cấp xã đề nghị UBND huyện, thị xã ra Quyết định công nhận hòa giải. Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì sau khi có Quyết định công nhận hòa giải thành, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định tại Khoản 5 Điều 202 của Luật Đất đai.

Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai;
- Các giấy tờ có liên quan (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu UBND cấp xã);
- Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND, ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.



2. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806712-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của UBND cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là bộ phận một cửa cấp xã).

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau:

- Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch;

- Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất thì xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản; đối với nhà ở, công trình xây dựng thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ;

Trường hợp chưa có bản đồ địa chính thì trước khi thực hiện bước 2, UBND cấp xã phải thông báo cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp (nếu có).

Bước 3: Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nơi có đất để thực hiện.

Bước 4: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, chuyển thông tin địa chính cho Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Chi cục Thuế ra thông báo nộp tiền và gửi lại cho người sử dụng đất để thực hiện.

Bước 5: Người sử dụng đất nộp lại giấy tờ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính tại bộ phận một cửa cấp xã. Bộ phận một cửa cấp xã nộp lại giấy tờ mà người sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và nhận kết quả giải quyết để trả lại cho người sử dụng đất.

Bước 6: Người sử dụng đất nhận kết quả giải quyết tại bộ phận một cửa cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu gồm có:

a) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK.

b) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sử dụng đất;

c) Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp đăng ký về quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng);

d) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);

đ) Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

- Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai mà chưa có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì nộp hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK.

b) Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

c) Bản sao giấy tờ quy định tại các Điểm b, c và đ Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Trường hợp người sử dụng đất đã đăng ký đất đai mà nay có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì nộp đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04/ĐK.

- Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất; đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận gồm có:

a) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK.

b) Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP,

c) Sơ đồ về tài sản gắn liền với đất (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã có sơ đồ tài sản phù hợp với hiện trạng).

d) Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

đ) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về tài sản gắn liền với đất (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là không quá 30 ngày làm việc.

Trong đó:

+ Cấp xã: Không quá 17 ngày (bao gồm cả 15 ngày niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất).

+ Cấp huyện: Không quá 13 ngày.

- Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất là không quá 20 ngày làm việc. Trong đó:

+ Cấp xã: Không quá 5 ngày.

+ Cấp huyện: Không quá 15 ngày.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp, cơ quan thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;
- Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí: Theo Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

i) Tên mẫu đơn: Mẫu số 04a/ĐK.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thì vốn để trồng rừng, tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng rừng hoặc tiền nộp cho Nhà nước khi được giao rừng có thu tiền không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/09/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ
Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

.....

Mẫu số 04a/ĐK

Mẫu số 04a/ĐK

PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ,
rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất
trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:

Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

.....
.....
.....

-- Địa chỉ thường trú:

- Đề nghị:	- Đăng ký QSDĐ	Đăng ký quyền quản lý đất	(Đánh dấu <input type="checkbox"/> vào ô trống lựa chọn)
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
	- Cấp GCN đối với đất	Cấp GCN đối với tài sản trên đất	
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Thửa đất đăng ký:

-- Thửa đất số:.....; -- Tờ bản đồ số:

-- Địa chỉ tại:

-4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

-5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

-6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

-7. Nguồn gốc sử dụng:

-8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)

4.- Nhà ở, công trình xây dựng khác:

- a) Loại nhà ở, công trình:;
- b) Diện tích xây dựng: (m²);
- c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):;
- d) Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;
- đ) Kết cấu:; e) Số tầng:;
- g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.- Rừng sản xuất là rừng trồng:

- a) Loại cây chủ yếu:
- b) Diện tích: m²;
- c) Nguồn gốc tạo lập:
- Tự trồng rừng:
 - Nhà nước giao không thu tiền:
 - Nhà nước giao có thu tiền:
 - Nhận chuyển quyền:
 - Nguồn vốn trồng, nhận quyền: ...
- d) Sở hữu chung:m², Sở hữu riêng:m²;
- đ) Thời hạn sở hữu đến:

4.- Cây lâu năm:

- a) Loại cây chủ yếu:
- b) Diện tích:m²;
- c) Sở hữu chung:m²,
Sở hữu riêng:m²;
- d) Thời hạn sở hữu đến:

5. Những giấy tờ nộp kèm theo:

6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:

Đề nghị khác:

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

- Nội dung kê khai so với hiện trạng:
- Nguồn gốc sử dụng đất:
- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:.....
- 4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:
- 5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:
- 6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:
- 7. Nội dung khác:

Ngày tháng năm

Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày tháng năm

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ "Hộ ông" (hoặc "Hộ bà"), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài

ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).

- Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).

- Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.

- Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...



3. Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806713-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

Bước 2: Bộ phận một cửa cấp xã chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sau khi nhận đầy đủ hồ sơ.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, chuyển thông tin địa chính cho Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chi cục Thuế ra thông báo nộp tiền và gửi lại cho người sử dụng đất để thực hiện.

Bước 4: Người sử dụng đất nộp lại giấy tờ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính tại bộ phận một cửa cấp xã. Bộ phận một cửa cấp xã nộp lại giấy tờ mà người sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và nhận kết quả giải quyết để trả lại cho người sử dụng đất.

Bước 5: Người sử dụng đất nhận kết quả giải quyết tại bộ phận một cửa cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;
- Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đổi với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi dồn điền đổi thửa, đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc. Trong đó:
 - + Cấp xã: Không quá 03 ngày.
 - + Cấp huyện: Không quá 07 ngày.
- Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất đo đạc vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc. Trong đó:
 - + Cấp xã: Không quá 03 ngày.
 - + Cấp huyện: Không quá 47 ngày.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

f) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận.
- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;

h) **Lệ phí:** Theo Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

i) **Tên mẫu đơn:** Mẫu số 10/ĐK.

k) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người sử dụng đất có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng hoặc các loại Giấy chứng nhận đã cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 sang loại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp bị ó, nhòe, rách, hư hỏng;

- Do đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất;

- Trường hợp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc của chồng, nay có yêu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng.

l) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/09/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY
 CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
 QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC
 GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

**PHÂN GHI CỦA NGƯỜI
 NHẬN HỒ SƠ**

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy
 đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy
 tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
 Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Nội dung thay đổi khác

4.- Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

-

-

4.- Thông tin thửa đất mới thay đổi:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

-

-

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã

<i>thay đổi - nếu có</i>	
Loại tài sản	Nội dung thay đổi
5.- Thông tin trên GCN đã cấp: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ;	5.- Thông tin có thay đổi: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ;
6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo - Giấy chứng nhận đã cấp;.....	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN <i>(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)</i>	
Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:	
III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
<i>(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).</i>	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806714-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc bị mất Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (*niêm yết trong thời gian 15 ngày*), trừ trường hợp mất giấy do thiên tai, hỏa hoạn.

Bước 2: Sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, người bị mất Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tại bộ phận một cửa của cấp xã.

Bước 3: Bộ phận một cửa cấp xã chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sau khi ký xác nhận nhận đầy đủ hồ sơ.

Bước 4: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, và thông báo cho một phân một cửa cấp xã đến nhận kết quả giải quyết.

Bước 5: Người sử dụng đất nhận kết quả giải quyết tại bộ phận một cửa cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK;

- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy trong thời gian 15 ngày đối với hộ gia đình và cá nhân; trường hợp mất Giấy chứng nhận do thiên tai, hỏa hoạn phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đó.

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không quá 30 ngày làm việc. Trong đó:

+ Cấp xã: không quá 03 ngày.

+ Cấp huyện: Không quá 27 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;

h) Lệ phí: Theo Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

i) Tên mẫu đơn: Mẫu số 10/ĐK.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/09/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY
CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC
GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

**PHÂN GHI CỦA NGƯỜI
NHẬN HỒ SƠ**

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
Quyền

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Nội dung thay đổi khác

4.- Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

-

-

4.- Thông tin thửa đất mới thay đổi:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

-

-

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)

Loại tài sản	Nội dung thay đổi
5.- Thông tin trên GCN đã cấp: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -	5.- Thông tin có thay đổi: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -
6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo - Giấy chứng nhận đã cấp;.....	

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN <i>(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)</i>	
Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:	
III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
<i>(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).</i>	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

5. Tách thửa hoặc hợp thửa đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806715-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa tại bộ phận một cửa cấp xã.

Bước 2: Bộ phận một cửa cấp xã chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sau khi nhận đầy đủ hồ sơ.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, chuyên thông tin địa chính cho Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Chi cục Thuế ra thông báo nộp tiền và gửi lại cho người sử dụng đất để thực hiện.

Bước 4: Người sử dụng đất nộp lại giấy tờ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính tại bộ phận một cửa cấp xã. Bộ phận một cửa cấp xã nộp lại giấy tờ mà người sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai và nhận kết quả giải quyết để trả lại cho người sử dụng đất.

Bước 5: Người sử dụng đất nhận kết quả giải quyết tại bộ phận một cửa cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không quá 20 ngày làm việc. Trong đó:

+ Cấp xã: không quá 03 ngày.

+ Cấp huyện: Không quá 17 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:



- Giấy chứng nhận

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;

h) Lệ phí: Theo Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

i) Tên mẫu đơn: Mẫu số 11/ĐK.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đáp ứng về điều kiện diện tích tối thiểu tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/09/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 11/ĐK

**PHÂN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN
HỒ SƠ**

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

.....

Ngày/...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TÁCH THỪA ĐẤT, HỢP THỪA ĐẤT

Kính gửi:

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem kỹ hướng dẫn ở cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã viết)

- Người sử dụng đất:

-- Tên người sử dụng đất (Viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ

- Đề nghị tách, hợp thửa đất như sau:

-- Đề nghị tách thành thửa đất đối với thửa đất dưới đây:

a) Thửa đất số:; b) Tờ bản đồ số:

c) Địa chỉ thửa đất:

d) Số phát hành Giấy chứng nhận:

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận:; ngày cấp/...../.....

đ) Diện tích sau khi tách thửa: Thửa thứ nhất: ... m²; Thửa thứ hai: ... m²;

-- Đề nghị hợp các thửa đất dưới đây thành một thửa đất:

Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Số phát hành Giấy chứng nhận	Số vào sổ cấp giấy chứng nhận

- Lý do tách, hợp thửa đất:

4. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của thửa đất trên;

- Sơ đồ dự kiến phân chia các thửa đất trong trường hợp tách thửa (nếu có):

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p style="text-align: center;">Người kiểm tra</p> <p style="text-align: center;">(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p style="text-align: center;">Giám đốc</p> <p style="text-align: center;">(Ký tên, đóng dấu)</p>
--	--	--

Hướng dẫn viết đơn:

- Đơn này dùng trong trường hợp người sử dụng đất đề nghị tách một thửa đất thành nhiều thửa đất mới hoặc đề nghị hợp nhiều thửa đất thành một thửa đất;
- Đề gửi đơn: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất;
- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ "Hộ ông/bà" và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền *cấp*;
- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;
- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối "Phần khai của người sử dụng đất trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

6. Chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806716-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ thực hiện quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất tại bộ phận một cửa cấp xã.

Trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất đối với một phần thửa đất thì người sử dụng đất đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc các đơn vị đo đạc thực hiện đo đạc tách thửa đối với phần diện tích cần thực hiện quyền của người sử dụng đất trước khi nộp hồ sơ thực hiện quyền của người sử dụng đất.

Bước 2: Bộ phận một cửa cấp xã chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sau khi nhận đầy đủ hồ sơ.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, chuyên thông tin địa chính cho Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Chi cục Thuế ra thông báo nộp tiền và gửi lại cho người sử dụng đất để thực hiện.

Bước 4: Người sử dụng đất nộp lại giấy tờ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính tại bộ phận một cửa cấp xã. Bộ phận một cửa cấp xã nộp lại giấy tờ mà người sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và nhận kết quả giải quyết để trả lại cho người sử dụng đất.

Bước 5: Người sử dụng đất nhận kết quả giải quyết tại bộ phận một cửa cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng theo quy định;

Trường hợp người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là người duy nhất thì phải có đơn đề nghị được đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thừa kế;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

- Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối

với trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thực hiện các thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là không quá 10 ngày làm việc. Thời gian này không bao gồm thời gian đo đạc đối với các trường hợp cần phải đo đạc. Trong đó:

+ Cấp xã: không quá 03 ngày.

+ Cấp huyện: Không quá 07 ngày.

- Thời gian thực hiện thủ tục cho thuê, cho thuê lại là không quá 3 ngày làm việc. Trong đó:

+ Cấp xã: không quá 01 ngày.

+ Cấp huyện: Không quá 02 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định:

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận;

+ Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Cơ quan Thuế; Kho bạc; Ngân hàng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận.

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;

h) Lệ phí: Theo Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

i) Tên mẫu đơn: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy chứng nhận (trừ trường hợp tất cả người nhận thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở; tài sản khác gắn liền với đất đều là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam).

Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp thì người sử dụng đất được thực hiện quyền sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất; trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất được thực hiện quyền khi có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Trường hợp người sử dụng đất được chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện xong nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện các quyền.

- Đất không có tranh chấp.

- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.

- Trong thời hạn sử dụng đất.

- Ngoài các điều kiện nêu tại các điểm 1, 2, 3 và 4 trên đây, còn phải đủ điều kiện sau:

a) Điều kiện bán, mua tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm

- Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được bán tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

+ Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận.

- Người mua tài sản gắn liền với đất thuê phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư;

+ Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư;

+ Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án trước đó.

- Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

b) Điều kiện nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất:

+ Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất đối

với trường hợp mà pháp luật không cho phép chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất.

+ Hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa.

+ Hộ gia đình, cá nhân không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp trong khu vực rừng phòng hộ, trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng, nếu không sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đó.

c) Điều kiện hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất:

+ Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống xen kẽ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái thuộc rừng đặc dụng nhưng chưa có điều kiện chuyển ra khỏi phân khu đó thì chỉ được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất rừng kết hợp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản cho hộ gia đình, cá nhân sinh sống trong phân khu đó.

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp trong khu vực rừng phòng hộ thì chỉ được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ đó.

+ Hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số sử dụng đất do Nhà nước giao đất theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước thì được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất sau 10 năm, kể từ ngày có quyết định giao đất.

d) Hộ gia đình, cá nhân được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Mục đích sử dụng đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp một khoản tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa.

đ) Điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở; dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê.

- Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở:

+ Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức

phân lô sau khi đã hoàn thành đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và nghĩa vụ tài chính về đất đai dựa vào căn cứ:

. Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện;

. Chủ đầu tư dự án phải hoàn thành việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gồm các công trình dịch vụ, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 đã được phê duyệt; đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực trước khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở; đảm bảo cung cấp các dịch vụ thiết yếu gồm cấp điện, cấp nước, thoát nước, thu gom rác thải;

. Chủ đầu tư phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai của dự án gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai (nếu có);

. Chủ đầu tư dự án xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền tại các khu vực không nằm trong địa bàn các quận nội thành của các đô thị loại đặc biệt; khu vực có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị; mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên và các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị.

+ Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án khi chủ đầu tư phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai của dự án gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai (nếu có).

- Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở phải có ngành nghề kinh doanh phù hợp, phải đáp ứng các điều kiện:

+ Có năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư. Cụ thể: Có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên; có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác.

+ Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác.

+ Dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước.

- Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê phải đáp ứng các điều kiện: Dự án phải xây dựng xong các công trình hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ ghi trong dự án đã được phê duyệt.

e) Hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để tự xây dựng nhà ở phải thực hiện việc xây dựng nhà ở theo đúng giấy phép xây dựng, tuân thủ quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị đã được phê duyệt.

g) Tổ chức kinh tế nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong các trường hợp sau đây:

Đất của hộ gia đình, cá nhân góp vốn mà không phải là đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/09/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7. Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806717-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất nộp hồ sơ đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; chia tách hộ gia đình, nhóm người sử dụng đất tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

Bước 2: Bộ phận một cửa cấp xã chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sau khi nhận đầy đủ hồ sơ.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, chuyển thông tin địa chính cho Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Chi cục Thuế ra thông báo nộp tiền và gửi lại cho người sử dụng đất để thực hiện.

Bước 4: Người sử dụng đất nộp lại giấy tờ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính tại bộ phận một cửa cấp xã. Bộ phận một cửa cấp xã nộp lại giấy tờ mà người sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và nhận kết quả giải quyết để trả lại cho người sử dụng đất.

Bước 6: Người sử dụng đất nhận kết quả giải quyết tại bộ phận một cửa cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

- Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thế chấp, góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp, góp vốn và văn bản bàn giao tài sản thế chấp, góp vốn theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân,

quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành có nội dung xác định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án đã được thi hành; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;

- Trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình phải có sổ hộ khẩu kèm theo; trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ và chồng phải có sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận kết hôn hoặc ly hôn kèm theo.

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không quá 15 ngày làm việc. Thời gian này không bao gồm thời gian đo đạc đối với các trường hợp cần phải đo đạc. Trong đó:

+ Cấp xã: Không quá 03 ngày.

+ Cấp huyện: Không quá 12 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất;

+ Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp còn lại.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan Thuế; Kho bạc; Ngân hàng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận.

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;

h) Lệ phí: Theo Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

i) Tên mẫu đơn: Mẫu số 09/ĐK.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/09/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN
 LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

**PHẢN GHI CỦA NGƯỜI
 NHẬN HỒ SƠ**

Đã kiểm tra nội dung đơn đây
 đủ, rõ ràng, thống nhất với
 giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
 Quyền

Ngày/...../.....
 Người nhận hồ sơ
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẢN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

-- Tên (viết chữ in hoa):

-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp

-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:

-- Ngày cấp GCN .../.../.....;

- Nội dung biến động về:

-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;
;
;

-- Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;
;
;

4. Lý do biến động

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)	
.....	
Ngày tháng năm Công chức địa chính (Ký, ghi rõ họ, tên)	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch (Ký tên, đóng dấu)
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày tháng năm Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

- Khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

8. Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất. Mã số hồ sơ: T-BPC-2806718-TT

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ đăng ký biến động tại bộ phận một cửa cấp xã.

Bước 2: Bộ phận một cửa cấp xã chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai sau khi nhận đầy đủ hồ sơ.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, chuyển thông tin địa chính cho Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Chi cục Thuế ra thông báo nộp tiền và gửi lại cho người sử dụng đất để thực hiện.

Bước 4: Người sử dụng đất nộp lại giấy tờ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính tại bộ phận một cửa cấp xã. Bộ phận một cửa cấp xã nộp lại giấy tờ mà người sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai và nhận kết quả giải quyết để trả lại cho người sử dụng đất.

Bước 5: Người sử dụng đất nhận kết quả giải quyết tại bộ phận một cửa cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận gồm có:

+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

+ Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

- Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động:

+ Văn bản công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình thay đổi họ, tên;

+ Bản sao sổ hộ khẩu đối với trường hợp thay đổi người đại diện là chủ hộ gia đình; văn bản thỏa thuận của hộ gia đình được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp thay đổi người đại diện là thành viên khác trong hộ;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy chứng minh quân đội và sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận;

+ Văn bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp cộng đồng dân cư đổi tên;

+ Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên;

+ Chứng từ về việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp người sử dụng đất được miễn giảm hoặc không phải nộp do thay đổi quy định của pháp luật;

+ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp có hạn chế theo quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; trường hợp có thay đổi hạn chế theo văn bản chuyển quyền sử dụng đất thì phải có văn bản chấp thuận thay đổi hạn chế của người có quyền lợi liên quan, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

+ Bản sao một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thể hiện nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên Giấy chứng nhận.

- Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất, bao gồm:

+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

+ Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

+ Hợp đồng thuê đất đã lập;

+ Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy

chứng nhận là không quá 15 ngày làm việc. Thời gian này không bao gồm thời gian đo đạc đối với các trường hợp cần phải đo đạc.

Trong đó:

+ Cấp xã: không quá 03 ngày.

+ Cấp huyện: Không quá 12 ngày.

- Thời gian thực hiện thủ tục đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất là không quá 30 ngày làm việc.

Trong đó:

+ Cấp xã: không quá 03 ngày.

+ Cấp huyện: Không quá 27 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan quản lý Nhà nước về nhà ở, xây dựng; Nông nghiệp; Thuế; Kho bạc; Ngân hàng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận.

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;

h) Lệ phí: Theo Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

i) Tên mẫu đơn: Mẫu số 09/ĐK.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/09/2012 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định về giải quyết hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN
LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

**PHẢN GHI CỦA NGƯỜI
NHẬN HỒ SƠ**
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy
đủ, rõ ràng, thống nhất với
giấy tờ xuất trình.
Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:
..... Quyền
Ngày/...../.....
Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất
-- Tên (viết chữ in hoa):
.....
-- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đã cấp
-- Số vào sổ cấp GCN:; -- Số phát hành GCN:;
-- Ngày cấp GCN .../.../.....

- Nội dung biến động về:

<p>-- Nội dung trên GCN trước khi biến động:</p> <p>-</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p>	<p>-- Nội dung sau khi biến động:</p> <p>-</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p> <p>.....;</p>
---	--

4. Lý do biến động

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động
.....
.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:
- Giấy chứng nhận đã cấp:.....
.....
.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ	
<i>(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)</i>	
.....	
Ngày tháng năm Công chức địa chính <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân Chủ tịch <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
.....	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
<i>(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)</i>	
.....	
.....	
Ngày tháng năm Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày tháng năm Thủ trưởng cơ quan <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>



- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.